

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
**TÒA THÁNH TÂY NINH**

---



*Sưu Tập*  
**ĐẠO SỰ SỬ LIỆU & TIỂU SỬ**  
**THIÊN VÂN**



**TÀI LIỆU SƯU TẦM 2020**  
hai•không•hai•không

---

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **HUONGDAOFLORIDA.COM**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót do sự tái trình bày lại, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ THIÊN VÂN, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE HUONGDAOFLORIDA.COM** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 06/12/2020

Tâm Nguyên

Website: **tusachCAODAI.wordpress.com**

---

*Sưu Tập*  
*Đạo Vụ Sử Liệu & Tiểu Sử*

SƯU TẦM: **THIÊN VÂN**



---

## MỤC LỤC

<b>ĐẠO SỰ SỬ LIỆU &amp; TIỂU SỬ.....</b>	<b>9</b>
1. Thánh Vệ Và Bảo Thế .....	10
2. Nghi Thức Và Ý Nghĩa Cầu Siêu Trong Đạo Cao Đài .....	18
▪ Nghi Thức:.....	18
▪ Ý Nghĩa:.....	18
3. Các Đàn Cơ Phổ Độ Đầu Tiên Của Đạo Cao Đài Ở Sài Gòn Chợ Lớn Và Vùng Phụ Cận.....	23
▪ 1. Đàn Cầu Kho .....	26
▪ 2. Đàn Chợ Lớn .....	27
▪ 3.- Đàn Tân Định.....	27
▪ 4.- Đàn Tân Kim.....	27
▪ 4.- Đàn Lộc Giang .....	28
▪ 5.- Đàn Thủ Đức.....	29
▪ 6.- Đàn Hội Phước Tự .....	29
▪ 7.- Đàn Long Thành Tự.....	29
▪ 8.- Đàn Củ Chi .....	30
▪ 9.- Đàn Phước Linh Tự .....	31
▪ 10.- Đàn Giồng Ông Tố.....	31
4. Nguyễn Văn Lai Và Đàn Cơ Tân Kim.....	32
▪ I.- TIỂU SỬ NGUYỄN VĂN LAI.....	33
▪ II.- Đàn Cơ Tân Kim .....	36
5. Yết Ma Trần Văn Giồng Và Đàn Cơ Lộc Giang.....	38
▪ I.- Tiểu Sử Yết Ma Trần Văn Giồng .....	39
▪ II.- ĐÀN CƠ LỘC GIANG .....	39
6. Ngô Văn Chiêu Và Phái Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi ....	42
▪ I.- Tiểu Sử Ngô Văn Chiêu.....	44
▪ II.- Phái Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi .....	50
7. Vương Quan Kỳ Và Chi Phái Cầu Kho .....	55
▪ I.- Tiểu Sử Vương Quan Kỳ .....	56

---

▪ II.- Chi Phái Cầu Kho .....	60
8. Nguyễn Văn Ca Và Chi Phái Minh Chơn Lý.....	65
▪ I.- Tiểu Sử Nguyễn Văn Ca.....	66
▪ II.- Chi Phái Minh Chơn Lý.....	70
9. Lê Đạo Long Và Vĩnh Nguyên Tự.....	73
▪ I.- Lê Đạo Long .....	76
▪ II.- Tiểu Sử Lê Văn Lịch.....	78
▪ III.- Vĩnh Nguyên Tự.....	81
10. Giáo Hữu Thái Abadie Thanh & Cuộc Diễn Thuyết Về Đạo Cao Đài Tại Hà Nội.....	84
▪ I.- Giáo Hữu Thái Abadie Thanh.....	84
▪ II.-Cuộc Diễn Thuyết Về Cao Đài Của Giáo Hữu Thái Abadie Thanh Tại Hà Nội.....	86
11. Trần Quang Vinh Và Cuộc Truyền Đạo Ở Pháp Quốc.....	93
▪ I.- Tiểu Sử Trần Quang Vinh.....	95
▪ II.- Cuộc Truyền Bá Đạo Tại Pháp Quốc.....	96
12. Phối Sư Thái Khý Thanh & Bức Cẩm Nang Của Đức Hộ Pháp.....	101
▪ I.- Tiểu Sử Phối Sư Thái Khý Thanh .....	101
▪ II.- Bức Cẩm Nang Và Sự Trấn Áp Của Quân Đội Pháp... ..	101



**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**





---

# ĐẠO SỰ SỬ LIỆU & TIỂU SỬ



THIÊN VÂN

## 1. THÁNH VỆ VÀ BẢO THỂ

∞ Thiên Văn

**T**RONG ĐẠO CAO ĐÀI, **THÁNH VỆ** LÀ NHỮNG NGƯỜI GÌN GIỮ, CHE CHỞ CHO TÒA THÁNH, TỨC NHỮNG người giữ an ninh, trật tự cho Nội Ô Tòa Thánh. Thánh vệ còn có nhiệm vụ bảo vệ các vị Thánh, tức là bảo vệ cho các Chức sắc của Hội Thánh.

Cơ Thánh Vệ, là cơ quan do Hội Thánh lập ra, có nhiệm vụ tuyển chọn, huấn luyện và điều động Thánh Vệ để gìn giữ an ninh trật tự trong Nội Ô và bảo vệ các chức sắc Hội Thánh. Cơ Thánh Vệ đặt dưới quyền của *Thánh Vệ Trưởng*, nhân viên trong Cơ Thánh Vệ được gọi là *Thánh Vệ viên*.

**Bảo Thể**, còn gọi là Bảo Thể Quân, là bảo vệ, che chở Thánh thể Đức Chí Tôn tại thế, tức che chở cho toàn thể Hội Thánh.

Cơ Bảo Thể là cơ quan tập hợp và điều động các Bảo Thể, có phận sự giữ trật tự trong các đền đài, dinh thự trong Nội Ô.

Trong Cơ Bảo Thể còn có *Tuần Quân*, là những người mới gia nhập Bảo Thể Quân, còn trong thời gian tập sự. Tuần Quân đầy đủ 2 năm công nghiệp, nếu có hạnh kiểm tốt thì được đưa lên làm *Bảo Thể Quân*.

Tro-ng Nội Ô Thánh Địa, nếu **Thánh Vệ** giữ gìn trật tự an ninh ngoài đường phố trong Nội Ô thì **Bảo Thể** gìn giữ trật tự trong các đền đài, dinh thự, các cơ quan hành

*chánh, cùng các buổi cúng kính, tế lễ trong Đền Thánh.*

Khi cúng Đức Chí Tôn, Bảo Thể Quân mặc áo trường y sáu nút, lưng buộc dây thắt lưng trắng, bề ngang 3 phân, tay đeo Tam Sắc Đạo, đầu đội mũ giống như cái calot màu trắng, tay cầm cây Tam Thanh (*cây Tam Thanh là một thanh gỗ tròn đầu lớn đầu nhỏ, sơn ba màu vàng, xanh, đỏ*). Nếu là Chánh Bảo Thể thì trên mũ có cổ pháp của Hộ Pháp.

*Nghị quyết Đại Hội Nhơn Sanh năm Giáp Dần 1974 quy định:*

*Chánh Bảo Thể có đủ năm năm công nghiệp và có đủ hạnh đức thì được cầu phong lên Lễ Sanh.*

*Còn Bảo Thể Quân (nhân viên Bảo Thể) và Thánh Vệ viên đủ 10 năm công nghiệp và đủ hạnh đức cũng được cầu phong lên phẩm Lễ Sanh.*

Đến năm 1951, Đức Hộ Pháp mới ban hành Thánh Lệnh số 29/TL quy định về tổ chức và quyền lợi của Cơ quan Bảo Thể:

Bộ Pháp Chánh  
Văn Phòng  
Số: 29

**ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**  
(*Nhi thập lục niên*)  
TÒA THÁNH TÂY NINH

## **THÁNH LỆNH**

### **HỘ PHÁP**

*Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài  
Hiệp Thiên và Cửu Trùng*

- ▶ Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền;
- ▶ Chiếu y Đạo luật ngày 16 tháng Giêng năm Mậu Dần (15-2-1938) ban quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho

- Hộ Pháp nắm giữ cho đến ngày có Đầu Sư chánh vị;
- ▶ Nghĩ vì Cơ Quan Bảo Thể là một cơ quan để giữ gìn trật tự trong Nội Ô Thánh Địa và Đền Thánh, kiêm luôn phận sự cận vệ Chúc sắc Đại Thiên phong bên Cửa Trùng Đài từ Đầu Sư trở lên, và bên Hiệp Thiên Đài từ Thập nhị Thời Quân sắp lên, thì công quả của Bảo Thể cũng tương đương với các nhân viên khác trong nền Chánh Trị Đạo.
  - ▶ Nghĩ vì con đường lập vị của mỗi người đều được Hội Thánh chăm nom nâng đỡ nếu đầy đủ công nghiệp.

## THÁNH LỊNH

✘ **ĐIỀU THỨ NHỨT:** Trong Cơ quan Bảo Thể có nhiều nhân viên thì chia nhiều Tiểu bộ cho dễ sắp đặt phiên thứ hành sự.

Mỗi Tiểu bộ có 12 nhơn viên, 12 vị nầy xúm nhau công cử một vị Chánh Bảo Thể lãnh trách nhiệm cai quản Tiểu bộ của mình.

Mỗi Tiểu bộ sẽ có thứ tự riêng, nhưng về cách làm việc thì Hòa Viện tổng hợp các Tiểu bộ đặng phân công và toàn cả nhơn viên trong các Tiểu bộ, ngoại trừ những vị Chánh, đều đồng thể và đồng nhiệm vụ.

✘ **ĐIỀU THỨ HAI:** Mỗi vị Bảo Thể phải vào hàng Chánh Bảo Thể và đầy đủ 5 năm công nghiệp trong địa vị Chánh nầy mới được cầu phong lên hàng Lễ Sanh.

✘ **ĐIỀU THỨ BA:** Những vị Tuần quân đầy đủ 2 năm công nghiệp liền được bổ sung vào Cơ quan Bảo Thể, nhưng phải là người có đủ đạo hạnh và siêng năng cần mẫn trong phận sự và đúng 21 tuổi mới đặng. Hết đủ hạng công quả trên đây thì Hòa Viện đệ tờ phúc xin cho sắp

nhập liền.

✘ **ĐIỀU THỨ TƯ:** Chư vị Bảo Thế, Tổng Thơ Ký Chánh Trị Đạo, Khai Pháp Chương quản Bộ Pháp Chánh, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Thượng Thống Lại Viện, Quyền Thượng Thống Hoà Viện, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lịnh này.

*Tòa Thánh, ngày 26 tháng 3 năm Tân Mão.*

*(Dl 1/5/1951)*

**HỘ PHÁP**

*(ấn ký)*

Trước đây, Cơ Thánh Vệ và Cơ Bảo Thế (*Cơ Quan Thánh Vệ, Cơ Quan Bảo Thế*) được đặt dưới quyền Thống Quản của Hộ Đoàn Pháp Quân.

Điều này do *Đàn cơ tại Giáo Tông Đường, ngày 25 tháng 10 năm Ất Tỵ (Dl 17/11/1965)*. Phò loan: *Hiến Pháp – Khai Đạo*. Tái cầu lúc 21 giờ 30. Hầu đàn: Bảo Thế, Hiến Thế, Đầu Sư, chư Chúc sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài và Phước Thiện nam nữ. Đức Hộ Pháp giáng cơ hỏi:

– *Thượng Sanh hỏi chi?*

Đức Thượng Sanh bạch: Vị tân Hộ Đoàn Pháp Quân là Thượng Khanh Thanh sẽ mặc sắc phục thế nào? Đương sự phải kiêm luôn nhiệm vụ Thánh Vệ Trưởng theo lời Đức Ngài đã dạy. Vậy đương sự sẽ đặt dưới quyền trực thuộc của cơ quan nào?

– *Hộ Đoàn chịu dưới quyền trực thuộc Hiệp Thiên Đài Chi Pháp.*

Đại phục: Áo tràng rộng như Thời Quân, đội Nhứt Nguyệt Mạo, lưng thắt dây Sắc lịnh bỏ mỗi ngay giữa.

Hộ Đoàn có tiểu phục như Thời Quân nhưng không

mang Sắc lệnh, đội mào Tam Quang không có thêu, nhưng có Thiên nhân ngay giữa. Đạo phục màu trắng.

Hội Đoàn kiêm luôn Thánh Vệ và Bảo Thể vì hai cơ quan này chịu dưới quyền thống quản của Hội Đoàn.

Từ đây, quyền hành của Hội Đoàn được nói rộng thêm để có đủ thẩm quyền tổ chức các cơ cấu gìn giữ an ninh trật tự trong vùng Nội ô và Ngoại ô Thánh địa.

Cho đến năm 1968, Cơ Thánh Vệ và Bảo Thể được đặt dưới quyền tổng chỉ huy của vị Tổng Thanh Tra Đặc Nhiệm Chánh Trị Đạo kiêm thống quản Cơ Thánh Vệ Bảo Thể.

*Trong Đoàn cơ đêm 21 tháng 10 năm Mậu Thân (DL 10/12/1968), lúc 21 giờ, Thánh giáo Đức Lý Giáo Tông khi ban chức cho vị Trung Tướng Nguyễn Văn Thành có đoạn như sau:*

*Vậy Lão tuyên bố ban chức:*

*Tổng Thanh Tra Đặc Nhiệm Chánh Trị Đạo kiêm Thống Quản Thánh Vệ và Bảo Thể.*

*Từ đây, Hội Đoàn Pháp Quân chỉ lo việc chỉnh nghiêm đàn mà thôi.*

*Tổng Thanh Tra có nhiệm vụ trông nom các việc Hành Chánh Đạo, nhưng mỗi việc đều chịu dưới quyền của Hội Thánh Lương Đài.*

*Hội Thánh phải giúp đỡ Thành làm nên cho Đạo. Lão mong vậy thay.*

Những năm đầu mới Khai Đạo (1929), tình hình nội bộ trong Đạo có sự rạn nứt, một số chức sắc đứng lên chống Đức Quyền Giáo Tông bằng cách tổ chức Hội Vạn Linh để hạ uy tín hoặc tung tin nói xấu. Vì vậy Đức Hộ Pháp mới có ý định thành lập Cơ Bảo Thể để bảo vệ

các chức sắc và các cơ quan Đạo.

Toán Bảo Thể đầu tiên được Đức Hộ Pháp giao cho ông Châu, đạo hiệu Hiệp Phố là người trong Phạm Môn, tìm chọn 11 người, cùng với ông nữa là 12, để thành một toán Bảo Thể.

Khi đủ số 12 người ông Châu dẫn trình diện với Đức Hộ Pháp thì được Ngài dạy phải huấn luyện võ nghệ cho 12 người đó trong vòng một tháng.

Đức Hộ Pháp mới đặt tên là Bảo Thể Quân có nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh trong Nội Ô Tòa Thánh. Sau đó Đức Ngài mới dẫn toán Bảo Thể sang trình diện với Đức Quyền Giáo Tông và được Quyền Giáo Tông chấp thuận và công nhận. Như vậy, toán Bảo Thể Quân này là lực lượng đầu tiên bảo vệ trong Nội Ô Thánh Địa và các chức sắc của Hội Thánh.

Từ đó, cơ quan Thánh Vệ và Bảo Thể càng ngày càng tăng số để có đủ lực lượng để canh gác các dinh thự, giữ an ninh trật tự trong Đàn cúng, nhất là giữ an ninh trật tự trong những cuộc Đại lễ như Đại lễ Đức Chí Tôn hoặc Đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung.

Nói về công lao của Bảo Thể Quân, Huấn từ của Ngài Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Nhuận Thanh trong buổi lễ Khánh Thành Văn Phòng Cơ Bảo Thể ngày 28 tháng 4 năm Quý Sửu (DL 30/5/1972) có lời phát biểu như sau:

«Cơ quan Bảo Thể quân được Đức Hộ Pháp và Hội Thánh thành lập từ buổi Khai Đạo, nhằm bảo trọng Thánh Thể Đức Chí Tôn, giữ gìn an ninh trật tự tại Đền Thánh và dinh thự các cơ quan công quyền của Đạo. Dù là một cơ quan không có tầm quan trọng về phương diện hành chánh đạo, nhưng đã hữu công, đồng chung chịu khổ hạnh trong tất cả mọi biến thiên của nền Đại Đạo

từ 48 năm nay.

*Trải qua những cơn thử thách, những bước thăng trầm của Đạo, các em Bảo Thể Quân biểu dương lòng trung kiên, ý chí hy sinh, thể hiện bằng hành động cương trực để bảo vệ Thánh Thể Đức Chí Tôn, gìn giữ Tổ đình và sản nghiệp Đạo mà các bậc tiền bối đã dày công xây dựng. Sở hành của các em quả xứng đáng với danh nghĩa của nó, phản ánh tấm lòng hiếu hạnh, trung thành đối với Đức Chí Tôn và Hội Thánh.”*

Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức đã cho rằng Bảo Thể Quân là nhân viên công lực của Đạo và khuyên phải làm xứng đáng với vai trò của mình. Ngài phát biểu trong tiệc ủy lạo các nhân viên Thánh Vệ và Bảo Thể vào buổi tất niên năm Canh Tuất như sau:

*«Công lao của chư hiền đệ, nhân viên công lực của Đạo, đáng khen tặng và khích lệ. Tôi ước mong chư hiền đệ cứ tiếp tục hành sự tốt đẹp như vậy mãi để xứng đáng với vai trò của mình.*

*Đã gọi là nhơn viên công lực thì phải áp dụng công lực cho phải chỗ, nghĩa là không khuất phục dưới một áp lực nào và bảo vệ người đồng đạo khỏi bị áp lực bất luận từ đâu đến, cũng không nên lợi dụng quyền công lực sẵn có mà áp đảo kẻ yếu kém hơn mình, nhứt là đối với tín hữu là con cái của Đức Chí Tôn thì không nên hiệp đáp đá động đến, nếu họ có làm điều gì sai quấy thì dùng cách êm thấm mà khuyên lơn dạy bảo, chớ không nên hành hung họ.*

*Đó là ý nghĩa của hai chữ công lực của Đạo và tác phong đạo đức mà người nhơn viên công lực Đạo cần phải có.*

*Công lực Đạo còn được áp dụng để đem lại chủ quyền*



cho Hội Thánh bằng cách bắt buộc bốn đạo phải tôn trọng luật pháp đạo, tức là tôn trọng công lý và lẽ phải.

Ngày nào công lực Đạo được áp dụng cho đúng chỗ như vậy thì ngày ấy Đạo thành và người Đạo mới đi đến chỗ vinh quang rực rỡ.”

23/5/2019  
(Thiên Vân)

Mượn ảnh minh họa:



## 2. NGHI THỨC VÀ Ý NGHĨA CẦU SIÊU TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

∞ Thiên Vân

### NGHI THỨC:

Tất cả tang quyến của người chết (*Vợ hoặc chồng, con, dâu, rể và các cháu*), càng đông càng tốt, đều đến trước Bàn vong quì thẳng, lớn trước nhỏ sau, tay bắt Ấn Tý để làm lễ cầu siêu cho Chơn linh người mất.

Chức Sắc, Chức Việc, đồng nhi và toàn Đạo nam nữ đến dự lễ cầu siêu cho vị Đạo hữu (*Ăn chay 10*) đều đứng hai bên, tay cũng bắt Ấn Tý cùng đọc bài **Kinh Cầu Siêu** (*Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ*), đọc xen với bài **Kinh Khi Đã Chết Rồi** (*Ba mươi sáu cõi Thiên tào*). Đọc ba lần, khi dứt niệm câu chú Thấy ba lần.

Theo lời chú giải của Hội Thánh, sở dĩ tụng bài Kinh Cầu Siêu rồi còn phải tụng xen bài Kinh Khi Đã Chết là vì sợ e cho vong hồn hoặc là người không tu mà Hội Thánh mới độ hồn, hoặc Đạo hữu mới phạm thệ mà đi xuống cõi Phong đô, nên trước phải tụng bài Kinh Cầu Siêu hầu cho vong hồn hồi dương đặng rồi tụng tiếp bài Kinh Khi Đã Chết Rồi đặng vong hồn được hưởng phép siêu thăng Tịnh độ.

### Ý NGHĨA:

Nghi lễ Cầu Siêu của Đạo Cao Đài cần rất nhiều người Đạo càng đông càng tốt, có lòng tự nguyện và chí thành cùng với Tang gia hiếu quyến (*con cháu*) nhứt tâm cùng tụng đọc bài Kinh Cầu Siêu nhằm để cầu xin Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thất Nương Diêu Trì Cung ân xá cho vong hồn

người chết được siêu thăng thoát hóa.

Ngày xưa, khi Đức Hộ Pháp dự đám tang, dự lễ Cầu siêu, Ngài thấy có nhiều người không đọc Kinh. Sau đó Ngài giảng giải ý nghĩa Kinh Cầu Siêu, sự mầu nhiệm của bài Kinh Cầu Siêu và sự huyền diệu của việc Cầu siêu. Và dặn mọi người phải đọc một cách thành tâm khi dự đám.

Đức Hộ Pháp dạy:

*“Mỗi khi Kinh được đọc thì âm thanh sẽ vang ra, mỗi người một âm thanh, tức một người phát ra một điển lực. Nhờ đó Chơn linh người chết, nếu hợp với điển lực đó, họ sẽ nương nhờ vào mà giải trừ oan nghiệt và tội lỗi vì người chết và tất cả những người có mặt nơi đám, biết đâu trong vô lượng kiếp trước, giữa họ và ta đã từng là người chí thân hoặc đây đây oan nghiệt, tội tình, mà người chết và ta chưa từng gặp mặt nhau.*

*Nơi cửa Đạo Cao Đài này, ta không biết họ là ai, ta thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ân xá và tha thứ tội tình cho họ được siêu thăng thoát hóa. Còn đối với riêng ta, ta cũng tha thứ cho họ nữa. Được như thế, lần hồi cái nợ nần, oan nghiệt, trái chủ của ta, của họ và của mọi người sẽ tự tiêu tan, kết thúc. Cho đến một ngày nào, đến khi ta thoát xác, các bạn của ta cũng tha thứ cho ta, như ta đã làm hôm nay cho những người đã qui liễu. Cái ý nghĩa này, mọi người nên biết, để khi dự lễ Cầu siêu lại đừng quên đọc Kinh với lòng cầu nguyện chân thành cho người thân yêu mong đợi”.*

Đức Ngài còn cho biết thêm:

*“Người chết, chơn hồn còn vấn vương, lảng vảng nơi đây. Nếu trong số người dự lễ Cầu siêu có được những*

*bậc chơn tu, đạo đức đến cầu nguyện hoặc những bậc có cấp bậc trong Tôn giáo đến cầu nguyện càng có lợi cho người chết, vì lời cầu nguyện ấy sẽ nâng đỡ linh hồn họ. Còn riêng những người Đạo, cũng có người đức độ lớn, giữ Đạo tốt đến cầu nguyện tất ảnh hưởng tới vong linh người mất”.*

Vong linh người chết được những tư tưởng, điển lành của mọi người đến dự lễ Cầu siêu phát ra ắt sẽ hưởng được ân huệ. Vì vậy mà Đức Hộ Pháp khuyên chúng ta nên siêng năng đi đám vừa có lợi cho người, vừa có lợi cho mình.

Ngoài ra, trong quyển “*Thiên Đạo*”, Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh có nói đến sự tác dụng của Kinh Cầu siêu như sau:

*“Kinh Cầu Siêu rất linh nghiệm vì mỗi tiếng tụng lên vốn có sức rung động huyền diệu vô cùng. Sức rung động ấy, hiệp với sức tư tưởng mạnh mẽ và thành kính của người tụng kinh gây thành một mảnh lực phi thường đánh tan Chơn thần của âm nhơn, giúp cho họ mau giải thoát đau khổ và hình phạt Thiêng Liêng đặng đi đầu thai sớm được”.*

Thực hiện lễ Cầu siêu là nhằm cầu xin Ôn Trên cứu giúp phần nào cho vong linh người chết được nhẹ nhàng, vì nó còn tùy thuộc vào nghiệp quả nặng nhẹ mà kiếp sinh người chết đã gây tạo.

Nhưng sự siêu thoát của cha mẹ ông bà có thể trợ giúp bằng việc làm của con cháu. Nếu con cháu biết lo tu hành, lập công bồi đức để có thừa âm chất mà đem hiến dâng cho cha mẹ ông bà thì những Chơn linh này có thể được nhẹ nhàng trở về ngôi xưa vị cũ.

Trong Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu có câu:

*Thong dong cõi thọ nương hôn,  
CHỜ CON LẬP ĐỨC giúp huờn ngôi xưa.*

Tại sao chỉ có con cháu mới có thể cứu ông bà và cha mẹ? Chúng ta biết, khi một người thác sinh vào một dòng họ nào đều do nhân quả trả vay mà đầu kiếp vào dòng họ đó, nên giữa ông bà, cha mẹ và con cháu có mối dây ràng buộc về oan trái lẫn nhau. Vì thế, những tội lỗi do mình gây ra thì Tổ tiên, cha mẹ phải gánh chịu; còn công đức do mình tạo ra thì Cửu Huyền đều thọ hưởng. Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy:

**“Một người giữ tròn đạo hạnh thì cứu đặng Thất Tổ Cửu Huyền, vậy có đáng quý báu chăng?”**

Biết vậy, bốn phận con cháu, khi ông bà, cha mẹ chết, lúc còn trong tang phải thành tâm tụng niệm Di Lặc Chơn Kinh để cầu nguyện các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi cho Chơn linh họ được siêu thoát, rồi sau đó lo tu thân hành Đạo, tạo lập công đức độ rỗi Cửu Huyền và dành phước huệ lại cho con cháu thọ hưởng.

Theo chánh pháp Cao Đài, Di Lặc Chơn Kinh là bài kinh do Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật giảng cơ ban cho chúng sanh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, là một bài kinh rất thiêng liêng và rất huyền diệu, tụng lên có thể cầu chú Phật siêu độ cho Chơn linh, cứu thoát được tam tai, giải trừ được tật bệnh...

Căn cứ nội dung bài kinh, chúng ta thấy ở mỗi tầng Trời (*Hỗn Ngươn Thiên, Hội Ngươn Thiên, Hư Vô Thiên...*) chú Phật đều có nhiệm vụ đi đạo khắp cõi Ta Bà Thế Giới độ hết các Chơn linh để được trở về với ngôi vị Phật (...*Năng du Ta Bà Thế giới độ tận Vạn linh đắc qui Phật vị*). Trong tầng Hội Ngươn Thiên, Đức Di Lặc Vương Phật có hứa: “*Nếu có chúng sanh nào nghe biết lời*

*của Ta, thì nên tìm cách thoát khỏi nghiệp chướng, bằng cách niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tụng theo những điều khoản luật pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì ắt được giải thoát khỏi luân hồi, mà đạt được con đường Chánh Đẳng chánh Giác, đó là chứng quả vị nơi cõi Cực Lạc Niết Bàn” (Nhược hữu chúng sanh văn ngã ứng đương thoát nghiệp, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng tụng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn).*

Chính do lời Phật giảng cơ ký hứa, nên Di Lạc Chơn Kinh là bài kinh rất mâu nhiệm mà tất cả chúng sanh trong Đạo Cao Đài nên siêng năng tụng đọc. Càng tụng niệm nhiều chừng nào thì có lợi cho Chơn linh người quá cố, hay Cửu Huyền nhiều chừng nấy.

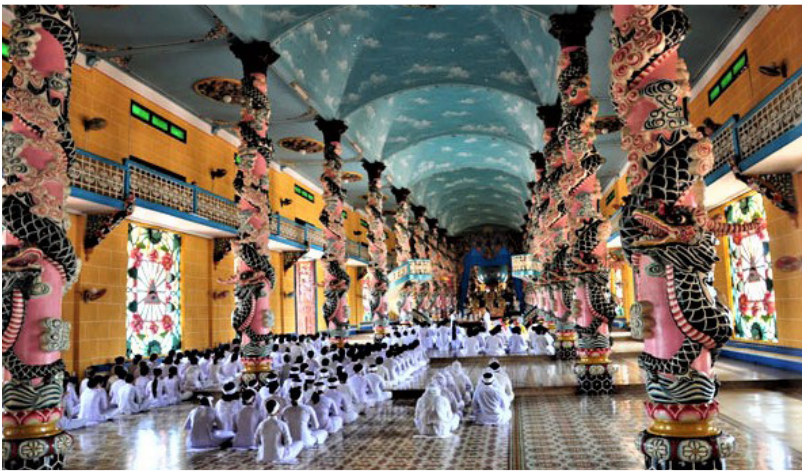
Như vậy, trong những tang lễ hay tuần cửu tang quyến nên chay lạt mà tụng niệm nhiều chừng nào tốt chừng nấy.

Hằng đêm sau khi cúng thời xong nên tụng Di Lạc Chơn Kinh và Kinh Cứu Khổ.

**19/10/2015**  
**(Thiên Vân).**

### 3. CÁC ĐÀN CƠ PHỔ ĐỘ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI Ở SÀI GÒN CHỢ LỚN VÀ VÙNG PHỤ CẬN.

☞ *Thiên Vân*



**S**AU KHI ĐỨC CHÍ TÔN THU PHỤC ĐƯỢC MƯỜI HAI VỊ MÔN ĐỒ XONG THÌ TRONG ĐÀN CƠ CUỐI NĂM Bính Dân, tại nhà ông Lê Văn Trung, Ngài giảng cơ ban lời Thánh giáo rất quan trọng vào đầu năm Bính Dần như sau: “*Các môn đệ khởi sự đi truyền Đạo phổ độ nhơn sanh*”:

### THẦY

*Chư đệ tử nghe!*

*Chiêu buổi trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh nay phải y lời làm chủ dìu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó.*

Ông Chiêu bạch: – Qua đến năm 1933 thì Đạo mới lập thành?

Thầy đáp: – Phải,

*Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo.*

*Bản, Sang, Giảng, Quý lo dọn mình đạo đức đặng truyền bá cho chúng sanh. Nghe và tuân theo.*

*Đắc, con phải hiệp vào đây đặng giúp đỡ Trung. Nghe và tuân theo.*

Ông Đắc bạch: – Thưa Thầy, con mắc lo vun tròn hội Minh Lý.

Thầy đáp: – Cũng một gốc, tùy ý con định, sau chớ trách Thầy.

*Đức tập cơ, Hậu tập cơ, sau theo mấy anh con đặng độ người. Nghe và tuân theo.*

Thăng.

Ấy là lời Sắc huấn đầu tiên của Đức Chí-Tôn Ngọc-



Hoàng-Thượng-Đế vào thời điểm đầu năm Bính Dần. **Giờ Tý ngày mùng 1 tháng 1 năm Bính Dần là ngày Đức Chí-Tôn khởi lập Đạo Cao-Đài**, ban lệnh cho các môn đệ bắt đầu đi truyền bá giáo lý để phổ độ nhơn sanh.

Sau đó, Ngài Ngô Văn Chiêu tách riêng ra, Đấng Thượng Đế thân phục được nhiều vị trí thức có địa vị trong xã hội thời bấy giờ như các vị: *Đốc Phủ Lê Bá Trang, Đốc Phủ Nguyễn Ngọc Tương, Đốc Phủ Lê Văn Hóa, Đốc Phủ Mạc Văn Nghĩa, hai vợ chồng ông Huyện Nguyễn Ngọc Thơ, ông Lê Văn Lịch, Đại Lão Sư Nguyễn Văn Tương, ông Nguyễn Văn Kinh, Thái Lão Sư Trần Đạo Quang, ông Lâm Quang Bính*, cả thầy đều là những trang rường cột trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Chư vị phò loan, ngoài 5 ông: *Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức*, lại thân thêm được mấy ông: *Cao Quỳnh Diêu, Ca Minh Chương, Phạm Văn Tươi, Phạm Tấn Đãi, Nguyễn Văn Kim, Trần Duy Nghĩa, Trương Văn Tràng, Huỳnh Văn Mai, Võ Văn Nguyên*.

Ban đầu, mấy ông: *Trung, Kỳ, Cư, Tắc, Sang, Hậu, Đức, Bản, Giảng*, mỗi đêm đều tựu lại, khi ở nhà ông Trung (*Chợ Lớn*), khi ở nhà ông Cư (*Sài Gòn*), khi ở nhà ông Bản (*Cầu Kho*) để cầu Đấng Thượng Đế giảng cơ dạy Đạo. Hễ mỗi lần có chư nhu đến nhập môn, Đức Chí Tổn dạy phải đến đại đàn tại Cầu Kho. Vì vậy mà nhà ông Đoàn Văn Bản trở thành một cái đàn lệ, rồi được gọi là Tiểu Thánh Thất.

Thánh Thất Cầu Kho ban đầu rất chật hẹp, đồ đạc thiếu trước hụt sau, vì chủ nhà lúc bấy giờ đương ở trong vòng bản chặt, không đủ sức mua sắm để thờ cho xứng đáng. Bàn thờ thì chỉ là một cái ghế nhỏ bằng cây giá tị, Thiên Nhân thì vẽ trên một mảnh giấy cao chừng 3 tấc,

ngang độ 2 tấc. Chiếu và đệm cũng không đủ trải ra lay. Tình cảnh tuy nghèo mà mấy chục bốn đạo mới không hổ, cứ mỗi đêm thứ bảy là đến hầu đàn. Không bao lâu, có nhiều vị đạo tâm lo sửa sang lại Thánh Thất.

Ông Đốc Phủ Vương Quan Kỳ chứng quản việc cúng tế trong đàn và thuyết đạo. Các ông: Đoàn Văn Bản, Nguyễn Trung Hậu, Tuyết Tân Thành, Lê Thế Vĩnh lo sửa soạn dọn dẹp Thánh Thất cho trang nghi. Ông Lê Văn Giảng, giáo Hiền, cùng một ít Đạo hữu lo sắm đồ đạc lật vật trong Thánh Thất.

Trong lúc đó, quý ông: Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Trần Duy Nghĩa xuống cần Giuộc lập đại đàn, khi thì ở chùa Vĩnh Nguyên, khi ở chùa Hội Phước, thêm có ông *Phủ Nguyễn Ngọc Tương*, ông *Phủ Lê Văn Hóa*, ông *Lê Văn Lịch* và ông *Ngô Văn Kim* giúp sức vào, nên trong mấy quận: Cần Giuộc, Cần Đức, thiên hạ nhập môn nườm nượp, mỗi lần thiết đàn, số người nhập môn có đến hàng trăm.

Cách không bao lâu, Đức Chí Tôn dạy lập thêm một số đàn phổ độ nữa.

Các Đàn cơ phổ độ khác cộng chung với Đàn Chợ Lớn, Đàn Cầu Kho được phân bố đều trong nội thành Sài Gòn và những vùng phụ cận, có thể kể như sau:

### 1. ĐÀN CẦU KHO

Đàn Cầu Kho do ông *Vương Quan Kỳ* chứng đàn, sau có thêm mấy ông: Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Muối, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh cùng với ông Kỳ luân phiên nhau lo cúng kiếng. Ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức phò loan. Lo sắp đặt việc lễ có quý ông: Đoàn Văn Bản, Huỳnh Văn Giới, Lê Văn Giảng,

Nguyễn Văn Tường.

## 2. ĐÀN CHỢ LỚN

Đàn cơ Chợ Lớn được thiết lập tại nhà ông Lê Văn Trung, hai vị Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu phò loan. Ông Lê Bá Trang hoặc ông Lê Văn Trung chứng đàn. Nơi Đàn cơ này các Đấng thường dùng để dạy riêng chư vị tiền khai về công việc hành đạo, ít thu nhận tín đồ.

## 3.- ĐÀN TÂN ĐỊNH

Đàn Tân Định lập tại nhà Ngài *Nguyễn Ngọc Thơ*, tức Đẩu Sư Thái Thơ Thanh ở số: 439 Paul Blanchy, góc Paul Blanchy và Champagne (*nay là Hai Bà Trưng và Lý Chính Thắng*). Hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc phò loan tại đây.

## 4.- ĐÀN TÂN KIM

Đàn Tân Kim (*Cần Giuộc*) lập tại nhà ông *cựu Hội đồng Quản hạt Nguyễn Văn Lai*, tại xã Tân Kim, quận cần Giuộc. Phò loan tại đây gồm hai vị Ca Minh Chương (*Sau là Bảo Đạo Hiệp Thiên Đài*) và Phạm Văn Tươi (*Sau là Hiến Thế Hiệp Thiên Đài*). Ông Phủ Nguyễn Ngọc Tương và ông Lê Văn Lịch luân phiên chứng đàn. Lo sắp đặt việc cúng kiếng có quý ông: Lê Văn Tiếp, Nguyễn Văn Nhơn, Phạm Văn Tỷ, Võ Văn Kính.

Ông *cựu Hội đồng Quản hạt Nguyễn Văn Lai* sinh năm 1876 – 1939), nhập môn theo Đạo ngày 13 tháng 4 năm 1926, có vợ là bà Đoàn Thị Vệ (1880 – 1967). Hai ông bà trước có hiến đất cho Hội Thánh xây dựng Thánh Thất Tân Kim, về sau ông thọ phẩm Thượng Chánh Phối Sư. Bà thọ phẩm Phối Sư thuộc Ban Chính Đạo.

Ông Thượng Lai Thanh liễu đạo ngày 5 tháng 12 năm Mậu Dần (1939), bửu tháp được an vị nơi phía bên kia đường trước Thánh Thất Tân Kim.

Đàn Tân Kim ngày xưa rất rộng, vào năm 1945, khi người con trai thứ 6 của ông Nguyễn Văn Lai đi kháng chiến, lính Pháp đã phá dỡ toàn bộ nhà cửa của ông. Nền cũ nay ở phía sau Ủy Ban Xã Tân Kim, vết tích chỉ còn lại một bờ đá.

#### 4.- ĐÀN LỘC GIANG

Đàn Lộc Giang (Chợ Lớn) lập tại chùa Phước Long ở Chợ Đệm của Yết Ma Giống, đã quy hiệp về Đạo Cao Đài, phò loan là hai ông Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng. Thường trực nơi đàn này có quý ông: Mạc Văn Nghĩa, Trương Thành Tựu, Nguyễn Hữu Dư, vv... hầu đàn.

Ông Yết Ma Giống sanh năm Kỷ Mão (1879), liễu đạo ngày 24 tháng 5 năm Canh Ngọ (1930). Sau khi ông quy liễu. Thánh Thất Lộc Giang trở thành chùa Phước Long (Phật Giáo), ngôi chùa này hướng mặt tiền ra sông Chợ Đệm (thuộc Ấp 4, Xã Tân Nhựt, Quận Bình Chánh).

Trong đàn cơ ngày 16 tháng 1 năm Đinh Mão (17/2/1927) tại chùa Gò Kén, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy ông Yết Ma Giống như sau:

“Giống, Thái Bạch thân chùa làm Thánh Thất, lại cầu phong cho con làm Giáo Hữu. Thầy nhậm lời. Giống, gắng công tu hành nghe.... Thầy ban ơn cho các con. Biểu Nghĩa khai Thánh Thất Lộc Giang”.

Sau lời Thánh giáo này Chùa Phước Long trở lại thành Thánh Thất Lộc Giang.

## 5.- ĐÀN THỦ ĐỨC

Đàn Thủ Đức lập tại *nhà ông Ngô Văn Điều*, gần chợ Thủ Đức. Ông Điều chứng đàn, phò loan tại đây là hai ông Huỳnh Văn Mai và Võ Văn Nguyên.

Ngôi nhà này gồm có năm gian liền kế mặt tiền ở số: 52 Nguyễn Tri Phương (*nay là 80 Kha Vạn Cân, Thủ Đức*).

Ông Ngô Văn Điều sanh năm 1868, cha là Ngô Văn Giáp (*ông Điều là con thứ năm*) và mẹ là bà Huỳnh thị Bưởi, là Thầy thuốc Bắc, có vợ là bà Nguyễn Thị Tý (1875 – 1950). Năm 1931, ông Điều có xây dựng ngôi Thánh tịnh Long Vân (*Khánh thành 30/11/1931*), gần ngã tư Xuân Hiệp, Thủ Đức. Thánh Tịnh này trước đây không thuộc chi phái nào, nhưng đến năm 1998 đã quy nhập về Tòa Thánh Tây Ninh. Ông Ngô Văn Điều liễu đạo ngày 11 tháng 12 năm Đinh Sửu (12/1/1938), bửu tháp an vị ở phía sau Thánh Thất Long Vân.

## 6.- ĐÀN HỘI PHƯỚC TỰ

Đàn Hội Phước Tự được thiết lập tại *chùa Hội Phước làng Long Trạch Cần Đức, Long An* do ông Yết Ma Nguyễn Văn Luật (1869 – 1948) làm trụ trì. Sau khi Yết Ma Luật quy hiệp về Cao Đài. Trong Đàn cơ ngày 22 tháng 7 năm Bính Dần tại Hội Phước Tự có mặt quý Ngài Thượng Trung Nhật, Ngọc Lịch Nguyệt, Thái Thơ Thanh... Đức Chí tôn chấp nhận Yết Ma Luật cầu Đạo và thâu Hội Phước Tự làm Thánh Thất. Sau đó ông Yết Ma Luật được thiên phong làm Giáo Sư phái Thái.

## 7.- ĐÀN LONG THÀNH TỰ

Đàn Long Thành Tự được lập tại *chùa Long Thành ở chợ Rạch Kiến, Long Hòa, Cần Đức*. Đàn này thường

xuyên thiết Đàn vào các ngày Rằm, 16, 30, mùng 1. Phò loan là hai vị Phạm Tấn Đãi, Nguyễn Thiêng Kim. Còn hầu Đàn có chư vị: Lê Văn Hóa (*Tri Phủ, chủ quận Cần Đước*), Lại Văn Hành, Lê Văn Gia, Bùi Duy Thân, Phan Văn Sách...

## 8.- ĐÀN CỬ CHI

Đàn Cử Chi lập tại nhà ông Nguyễn Văn Mười ở làng Phước Mỹ, Tổng Long Tuy Hạ (*nay thuộc ấp Mũi Côn Đại, xã Phước Hiệp*).

Nhà ông Nguyễn Văn Mười xưa kia rộng ba gian hai chái, lợp ngói âm dương, có thể chứa cả trăm tín đồ đến dự Đàn mỗi kỳ sóc vọng, qua chiến tranh do bom đạn tàn phá nay không còn nữa.

Theo quyển Lịch Sử Cao Đài quyển I cho biết, ông Nguyễn Văn Mười làm Hương Hào tại địa phương, có vợ là bà Nguyễn Thị Tửu, cả hai ông bà quy liễu không biết năm nào được an táng tại nhà, nhưng qua chiến tranh, mộ không còn bia nữa. Hiện nay người cháu nội của ông là ÚT Rành đã 80 tuổi cư ngụ tại địa chỉ này chỉ nhớ là ông nội (*Nguyễn Văn Mười*) có thọ Thiên phong Giáo Sư phái Ngọc tại Tây Ninh.

Đàn Cử Chi hoạt động đến khoảng năm 1931, ông Hội Đồng Nguyễn Văn Phàn hiến 1, 316 mẫu đất và ông bà Lễ Đình Ễ góp phần dựng nên Thánh Thất Phước Hiệp (*bây giờ không còn nữa, khu đất hiện nay là cơ quan Thủy Lợi huyện Cử chi*). Thánh Thất Phước Hiệp đã dời cách đó 3km, thuộc Tòa Thánh Tây Ninh.

### 9.- ĐÀN PHƯỚC LINH TỰ

Đàn Phước Linh Tự lập tại *chùa Phước Linh* ở ấp 1, làng Long Hòa, tổng Lục Thành Thượng, nay thuộc Cần Đước Long An do vị Yết Ma Nguyễn Văn Xoài quy hiệp về đạo Cao Đài làm chủ Đàn. Hiện nay không còn, chùa Phước Linh (*trở về Phật giáo*) và đã được tái lập cách nền cũ khoảng 1km.

### 10.- ĐÀN GIỒNG ÔNG TỔ

Đàn Giồng Ông Tố lập tại *nhà ông Đỗ Văn Vàng* (1880 – 1950), cha là Đỗ Văn Mắm, gốc Tân Thạnh Đông Củ Chi, mẹ là bà Lê Thị Huệ. Ông Vàng nguyên là Thầy giáo dạy học tại trường Giồng Ông Tố, có vợ là bà Hồng Thi Hữu (1883 – 1974). Đàn Giồng Ông Tố xưa là ngôi nhà ba gian hai chái, cột gỗ tròn, lợp ngói âm dương, trước sân có vườn hoa kiểng. Khu nhà này hiện nay đã thay đổi kiểu có số 34 ấp Tây A, phường Bình Trưng Tây, quận 2. Hiện nay người con trai út của ông giáo Vàng cư ngụ tên là Đỗ Văn Mười.

Vào năm 1927, do tín hữu tại đây hầu Đàn quá đông, ông Hồ Văn Đình mở thêm một Đàn tại vùng này. Sau đó ông Hồ Văn Đình hiến 1,62 mẫu đất để xây dựng nên Thánh Thất Bình Trưng (*nay thuộc Tòa Thánh Tây Ninh*).

**Thiên Vân**  
(05/6/2020)

#### 4. NGUYỄN VĂN LAI VÀ ĐÀN CƠ TÂN KIM

☞ Thiên Vân



*Ông Nguyễn Văn Lai*





*Thánh Thất Tân Kim*

## I.- TIỂU SỬ NGUYỄN VĂN LAI

Ông Nguyễn Văn Lai sinh năm 1876, là cựu Hội Đồng Quản Hạt, cư ngụ tại xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, nhập môn vào đạo Cao Đài ngày 3 tháng 4 năm 1926. Cho đến ngày 15 tháng 10 năm 1926, Ông được Đức Chí Tôn phong làm Giáo Sư phái Thượng.

Trong Quyển Đạo Sử Xây Bàn, Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu có ghi lại danh sách Giáo Sư của chư Chức Sắc Thiên Phong Đạo Cao Đài cho đến ngày Khai Đạo, có tên ông.

Danh sách Giáo Sư gồm ba phái như sau:

### **Phái Thái:**

- Thái Nhung Thanh (Yết Ma Nhung), Chợ Lớn.
- Thái Luật Thanh (Yết Ma Luật), Phước Hậu.

- Thái Bình Thanh (Lâm Quang Bình), Rạch Giá.



*Bửu tháp ông Nguyễn văn Lai*

**Phái Thượng:**

- Thượng Kỳ Thanh (Vương Quan Kỳ), Sài Gòn.

- Thương Chúc Thanh (Nguyễn Văn Chúc), Cai Tổng, Chợ Lớn.
- Thương Kim Thanh (Ngô Văn Kim), Cần Giuộc.
- Thương Hành Thanh (Lại Văn Hành), Hương Cảng, Chợ Lớn.
- Thương Vinh Thanh, Chợ Lớn.
- Thương Định Thanh (Tổng Quốc Định), Sài Gòn.
- Thương Hoài Thanh (Nguyễn Văn Hoài), Sài Gòn.
- Thương Hoài Thanh (Dương Văn Hoài), Bến Tre.
- Thương Hoài Thanh (Nguyễn Tấn Hoài), Cần Đức.
- **Thượng LAI Thanh** (NGUYỄN VĂN LAI), Tân Kim, Cần Giuộc
- Thương Bút Thanh (Hà Văn Bút), Sài Gòn.
- Thương Châu Thanh (Lê Văn Sơn)
- Thương Viễn Thanh (Phạm Trí Viễn), Trà Vinh.
- Thương Tín Thanh (Ngô Trang Tín), Rạch giá.
- Thương Nhơn Thanh (Nguyễn Văn Nhơn)

**Phái Ngọc:**

- Ngọc Vân Thanh (Ngô Tường Vân), Sài Gòn.
- Ngọc Đạt Thanh (Nguyễn Phát Đạt), Sài Gòn.
- Ngọc Muôi Thanh (Nguyễn Văn Muôi)
- Ngọc Kinh Thanh (Nguyễn Văn Kinh), Bình Lý Thôn, Gia Định
- Ngọc Thông Thanh (Bùi Văn Thông).

Nhưng về sau ông Nguyễn Văn Lai theo hành Đạo bên chi phái Bến Tre, thọ phẩm Thượng Chánh Phối Sư (*Ban Chính Đạo*). Vợ ông là Bà Đoàn Thị Vệ, sanh năm

1880, cũng thọ phẩm Phối Sư (*Ban Chính Đạo*) và mất vào năm 1967.

Hai ông bà Nguyễn Văn Lai lúc sanh tiền là người có đạo tâm. Năm 1926 ông bà hiến một thửa đất 0 mẫu 19 sào 20 cao tại làng Tân Kim quận Cần Giuộc (*Chợ Lớn*) để đắp nền xây dựng Thánh Thất cho toàn đạo có nơi thờ kính. Ngoài ra ông còn hiến 1 hecta đất ruộng tại ấp Long Phú. Đến năm 1927 khởi công xây dựng ngôi Thánh Thất Tân Kim, thuộc huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An ngày nay.

Ông liễu đạo vào ngày 5 tháng 12 năm Mậu Dần (1939), bửu tháp của ông được an vị bên kia đường, trước Thánh Thất Tân Kim, Cần Giuộc, Long An.

Nơi đây, Đối diện Thánh Thất xéo qua bên kia đường cũng có Nhà Lưu Niệm của Ông Hội Đồng Nguyễn Văn Lai ( *Chánh Phối Sư Thượng Lai Thanh – Người được Đức Chí Tôn ban Phẩm Giáo Sư lúc khai Đạo, Nhà lưu niệm này cũng là một trong những nơi lập Đàn cơ để Thầy thân môn đệ buổi ban đầu*).

## II.- ĐÀN CƠ TÂN KIM

Đàn cơ Tân Kim (*Cần Giuộc*) được Đức Chí Tôn dạy lập tại nhà ông cựu Hội Đồng Quản hạt Nguyễn Văn Lai tại xã Tân Kim huyện Cần Giuộc, hiện nay thuộc tỉnh Long An. Phò loan tại đây gồm hai vị *Ca Minh Chương*, sau là *Bảo Đạo Hiệp Thiên Đài* thuộc Tòa Thánh Tây Ninh, và *Phạm Văn Tươi*, sau là *Hiển Thế Hiệp Thiên Đài* cũng thuộc Tòa Thánh Tây Ninh.

Thường xuyên hầu Đàn tại Tân Kim có các vị *Nguyễn Ngọc Tương*, *Lê Văn Lịch* luân phiên chứng Đàn. Lo sắp đặt việc cúng kiếng thì có quý ông: *Lê Văn Tiếp*, *Nguyễn*

Văn Nhơn, Phạm Văn Tỳ, Võ Văn Kinh, Đoàn Ngọc chí....

Đàn Tân Kim xưa rất rộng, năm 1945, khi người con trai thứ 6 của ông đi kháng chiến, lính Pháp đã phá dỡ toàn bộ nhà cửa của ông. Nên cũ nay ở phía sau Ủy Ban Xã Tân Kim, vết tích chỉ còn lại một bờ đá mà thôi.

Thánh giáo Đức Chí Tôn giáng cơ tại Đàn Tân Kim vào ngày 30 tháng 1 năm Đinh Mão (Dl 3/3/1927) dạy như sau:

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ  
VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG**

*Đại hỷ! Đại hỷ chư môn đệ, chư nhu nam nữ.*

*Thầy thấy mấy con, Thầy cũng đau lòng cho đó. Các con ví như gà lúa lạc bầy chiu chút vì nổi điều bay khắp cả trên không mà hăm he muốn vớt bầy gà không mẹ. Song các con cũng để một lòng một dạ với Thầy mà hành đạo. Thầy đã nói rằng: **Hễ Đạo cao bấy nhiêu thì cái khổ nạn của các con bấy nhiêu.** Than ôi! Phận các con phạm đến đời nên Thầy muốn để các con lo một mối, Thầy một mối, có phần các con, có phần của Thầy, hiệp lại mới thấu đáo đặng.*

*Các con chớ buồn, cũng chẳng nên than thân tủi phận.  
(Chúng sanh xin cầu Đạo)*

*Chúng sanh rất nên trở nãi, vì số vô phần đến ngày nay là ngày cuối cùng mới rõ Đạo cao giá trọng là thế nào! Thầy còn tủi cho các con. Vậy các con muốn cho chúng sanh cầu Đạo thì Thầy cho phép...*

**Thiên Vân  
(11/6/2020)**

## 5. YẾT MA TRẦN VĂN GIỐNG VÀ ĐÀN CƠ LỘC GIANG

☞ Thiên Vân



## I.- TIỂU SỬ YẾT MA TRẦN VĂN GIỐNG

Yết Ma Trần Văn Giống sanh năm Kỷ Mão (1879), là vị sư trụ trì Phước Long Tự (*Chợ Đệm*). Ngôi chùa này có kiểu dáng xưa, cũ kỹ, gồm ba gian, cột gỗ, mái ngói âm dương, hướng cửa ra sông Chợ Đệm, thuộc ấp 4, xã Tân Nhựt, quận Bình Chánh (*nay là Thành Phố Hồ Chí Minh*)...

Như chúng ta đã biết Đức Chí Tôn sau khi độ được ba vị Thiên Sứ phò loan là Cao Quỳnh Cư, Phạm công Tắc, Cao Hoài Sang để cho Ngài sử dụng huyền cơ khai sáng ra nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đồng thời Ngài cũng dùng cơ bút thu phục được một số môn đồ khác, là các vị Chúc Sắc tiên khai của nền Đại Đạo. Kể từ tháng 3 năm 1926 trở về sau, số người nhập môn vào đạo Cao Đài càng ngày càng nhiều, cho nên các Đàn cơ phổ độ được hình thành khắp mọi nơi trong nội Thành Sài Gòn và các vùng phụ cận khác. Trong số này có ông Yết Ma Trần Văn Giống đã tin tưởng vào sự huyền diệu của cơ bút, nên ông được Đức Chí Tôn độ, xin qui hiệp về đạo Cao Đài, và dâng chùa Phước Long để làm địa điểm thiết lập Đàn cơ thu phục như sanh tại địa phương này xin cầu đạo. Sau đó Đức Lý Giáo Tông phong ông Yết Ma Giống làm Giáo Hữu và thân Chùa Phước Long làm Thánh Thất Lộc Giang. Kể từ đó ông thường xuyên hành đạo tại đây cho đến ngày 24 tháng 5 năm Canh Ngọ (1930) ông quy liễu thì Thánh Thất Lộc Giang không có người quản lý nên trở lại thành chùa Phước Long (*Phật giáo*).

## II.- ĐÀN CƠ LỘC GIANG

Đàn Lộc Giang (*Chợ Lớn*) được thành lập tại chùa Phước Long, chủ chùa là ông Yết Ma Trần Văn Giống

đã qui hiệp về đạo Cao Đài. Cho nên mỗi khi có thiết Đàn cơ tại đây, *Yết Ma Giống* chứng Đàn , phò loan do nhị vị *Trần Duy Nghĩa* (sau là *Khai Pháp Chơn quân*) và *Trương Văn Tràng* (sau là *Tiếp Pháp Chơn Quân*). Thường trực hầu đàn có quý ông: *Mạc Văn Nghĩa*, *Trương Thành Tựu*, *Nguyễn Hữu Du*, *La Trường Miên*, *Lê Minh Thúc*, *Bùi Tấn Tước*, *Nguyễn Công Nhâm*, *Lê Văn Khỏe*, *Nguyễn Bình an*, *Nguyễn Thế Trọng*...

Trong một Đàn cơ vào ngày 16 tháng 1 năm Đinh Mão (Dl 17/2/1927), gồm đông đủ các vị Chức Sắc của Hội Thánh, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy: “*Trung* (Đầu Sư Thượng Trung Nhật), *đòi Giống* (*Yết Ma Giống* chủ chùa *Phước Long* ở *Chợ Đệm*). Nơi đây lập thành *Thánh Thất Lộc Giang*... *Giống*, *Thái Bạch* thâu chùa làm *Thánh Thất*, lại cầu phong cho con làm *Giáo Hữu*. *Thầy* nhậm lời. *Giống*, gắng công hành đạo nghe.

‘*Trung*, khá cho *Nghĩa* hay rằng: *Thầy* giao cặp phò loan *Nghĩa* – *Tràng* cho nó hành đạo. Tắc, con tuân lệnh dạy nghe. *Nghĩa*, *Tràng* thuộc *Hiệp Thiên Đài* nên *Thầy* phải nói lại với con.

*Thầy* ban ơn cho các con, biểu *Nghĩa* khai *Thánh Thất Lộc Giang*, *Trung* nghe”.

Sau đây là Thánh giáo của Đức Chí Tôn khi Khai đàn tại Phước Long Tự, Chợ Đệm, ngày 28 tháng 1 năm Đinh Mão (Dl 1 /3/1927):

## THẦY

*Các con,*

*Cái tình cảm hóa của con người là tình thương ứng hiệp Trời Đất. Cho nên khi tâm tịnh thường cảm hoài, hằng tìm nơi u huyền mà nghĩ nghị trong trí khôn, ấy là*



kẻ có sẵn tình ý thiên nhiên Tạo hóa.

Còn có một hạng người cũng có tánh thiêng liêng ấy, nhưng lại không để trí khôn vào lối cao thượng, mà cứ quen thói hung hăng, nghĩ những việc bạo tàn, làm điều tội lỗi, ấy là những kẻ nghịch Thiên, không biết luân hồi là chi cả. Chúng nó lại tưởng rằng, kiếp người là kiếp sống chỉ có giây giờ rồi tiêu mất, nên tìm những chước sâu kế độc cho đặng của nhiều, no lòng sướng dạ, trôi kệ luân hồi.

Thầy hỏi: Vậy chớ cái trí khôn của con người biết thương ghét, vui buồn, mà toàn trong nhơn loại đều có, khi rớt cuộc thì trí khôn ấy đi đâu? Không lẽ cái trí khôn ngoan dường ấy mà cũng mất đi đặng sao các con?

Thầy hỏi như vậy đặng cho các con mỗi đứa về suy nghĩ mà trả lời cho mình. Hễ trả lời phù hợp thì dễ biết Đạo, còn ngu xuẩn cũng huờn ngu xuẩn.

Thầy dạy Nữ phái biết trọng Tam Tùng, Tứ Đức; Nam phái Tam Cang, Ngũ Thường. Hễ Nhơn đạo thành thì là phù hợp Thiên đạo, nghe à!

**Thiên Vân**

(14/6/2020)

## 6. NGÔ VĂN CHIÊU VÀ PHÁI CHIẾU MINH TAM THANH VÔ VI

∞ Thiên Vân





## I.- TIỂU SỬ NGÔ VĂN CHIÊU

Ngô Văn Chiêu sinh ngày 7 tháng giêng năm Mậu Dần (DL 28/02/1878) trong một căn nhà lá nằm ở phía sau một ngôi chùa thờ Quan Đế tại quận Bình Tây, Chợ Lớn. Thân phụ là ông Ngô Văn Xuân và thân mẫu là bà Lâm Thị Quý.

Khi sinh ra Ngài Chiêu được sáu tuổi, ông bà thân của Ngài phải làm việc tại Hà Nội, nên gửi Ngài cho người em ruột là bà Ngô Thị Đây ở Mỹ Tho đem về nuôi dưỡng.

Ngài sống với người cô nầy đến 12 tuổi thì được vào ở nội trú trong trường Collège Mỹ Tho, rồi sau đó được học bổng nhà nước cho lên học ở trường Chasseloup Laubat Sài Gòn. Đến năm 21 tuổi, Ngài đậu bằng Thành chung và ra làm quan.

Ngày 23 tháng 3 năm 1899, Ngài được nhận vào làm thư ký tại ở sở Tân Đáo Sài Gòn. Ngài theo sự hướng dẫn của người cô ruột kết hôn với bà Bùi Thị Thân, người làng Thạnh Trị, chợ Mỹ Tho. Ông bà sinh được vừa trai, vừa gái, cả thảy là chín người con.

Đến năm 1902, vì mẹ bị bệnh nên Ngài đến một đàn cầu Tiên của chi Minh Thiện ở Thủ Dầu Một, Bình Dương để xin thuốc. Ngài bắt đầu làm quen với việc hầu đàn thỉnh Tiên từ đó.

Đến năm 1909, Ngài đổi về làm việc ở Tòa Hành Chánh tỉnh Tân An và đến năm 1917 Ngài thi đậu Tri huyện, nhưng vẫn tiếp tục làm việc ở Tân An cho đến cuối năm 1919, sau khi thân mẫu từ trần, Ngài mới được lệnh đổi đi Hà Tiên.

Hà Tiên có rất nhiều đàn cầu Tiên: Nào đàn ở lãng Mạc Cửu, nào đàn ở Thạch Động. Đàn ở lãng Mạc Cửu

thì do các ông Lâm Tấn Đức, Phán Ngàn, Cao Văn Sự làm đồng tử. Trước đây, đàn cầu Tiên thỉnh thoảng bị quỷ ma khuấy phá, nên ít khi có Tiên giáng, đến khi Ngài Ngô về tham dự hầu đàn thì không còn xảy ra nữa mà có Tiên giáng liền. Do đó các người hầu đàn hết mực kính trọng Ngài.

Một trong những đàn cầu cơ nơi đây có vị Tiên nữ xưng là Ngô Kim Liên giáng cho Ngài hai bài thi tứ tuyệt có ý khuyên Ngài tu hành:

*Văng vẳng nhận kêu bạn giữa thu,  
Rằng trời cùng đất vẫn xa mù.  
Non Tây ngảnh lại đường gai góc,  
Gắng chí cho thành bực trượng phu;*

\*\*\*

*Ngấn trăng tỏ rõ giữa trời thu,  
Cái cảnh Tây phương vẫn mịt mù.  
Mắt tục nào ai trông thấy đấy,  
Lắm công trình mới đúng công phu.*

Ngài Chiêu trấn nhậm ở Hà Tiên được tám tháng thì Ngài được lệnh đổi đi làm Chủ Quận Phú Quốc ngày 26 tháng 10 năm 1920 và làm việc tại đây được bốn năm. Tại Phú Quốc Ngài Ngô văn Chiêu thường lên núi Dương Đông cầu cơ thỉnh Tiên nhiều lần, nhưng có một vị Tiên giáng cơ chẳng chịu xưng tên, bảo Ngài làm đệ tử thì Tiên Ông sẽ dạy đạo cho, và bảo đừng tụng kinh Minh Thánh nữa.

Sau đó vị Tiên Ông khuyên Ngài lo tu và rán ăn chay mười ngày trong một tháng. Chưa kịp ăn chay mười ngày thì trong đàn cơ ngày 8 tháng 2 năm 1921, tại chùa Quan Âm Phú Quốc, vị Tiên Ông giáng cơ bảo Ngài: *Chiêu!*

*Tam niên trường trai.* Kể từ ngày mừng 1 tết năm Tân Dậu (1921), Ngài Chiêu bắt đầu ăn trường chay và học đạo.

Một chiều kia, vào khoảng cuối tháng giêng âm lịch năm Giáp Tý (1924), trong lúc đang ngồi hóng mát nơi ven biển, bỗng nhiên Ngài thấy một cảnh thật đẹp hiện ra trên biển cả nơi chỗ trời nước giáp nhau. Cảnh đó vừa khuất lại hiện ra một cảnh khác. Ngài ngồi ngẫm một cách mê say, hơn mười lăm phút sau, cảnh thần Tiên mới biến mất. Sau này trong đàn cơ, vị Tiên Ông cho Ngài biết đó là cảnh Bồng Lai. Từ đó Ngài hết lòng tin tưởng Tiên Ông và quyết chí lập bàn thờ để thờ phụng Người, nhưng chưa tìm được hình ảnh gì để thờ phụng.

Một buổi sáng, trong khi Ngài đang ngồi trên một chiếc võng sau dinh quận Dương Đông, bỗng nhiên Ngài thấy xuất hiện trước mặt con mắt thật lớn, hào quang chói ngời như mặt trời. Ngài sợ hãi vô cùng vội nhắm mắt lại, không dám nhìn lâu. Một lúc sau, khi Ngài mở mắt ra thì con mắt vẫn chưa biến mất, mà lại có phần chói ngời hơn nữa. Ngài chợt hiểu rằng Tiên Ông cho Ngài hình tượng để thờ phụng. Ngài vội vàng quỳ xuống chấp tay khẩn nguyện, con mắt liền tự nhiên lu dần rồi biến mất.

Ít lâu sau, chưa kịp vẽ hình tượng con mắt để thờ thì Ngài thấy con mắt xuất hiện lần thứ hai. Do đó Ngài vội vẽ “con mắt” (*Thiên Nhãn*) để thờ phụng, không dám chậm trễ nữa.

Sau khi Ngài Chiêu thờ Thiên Nhãn rồi thì Tiên Ông mới xưng danh là “*Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*” và chỉ dạy Ngài phải kêu Tiên Ông bằng Thầy, chứ không cho phép dùng danh xưng khác.

Ngày 1 tháng 1 năm 1924, Ngài được nhà nước thăng

lên ngạch Tri Phủ. Khi Ngài Chiêu sắp đổi về Sài Gòn, Đức Cao Đài Tiên Ông giáng cơ ban cho Ngài một bài thi sau đây:

*Kín ngoài rồi lại kín trong,  
Đường xa phong cản thưởng lòng để vui.  
Công đâu chịu cực đừng lui,  
Thiên Tào thăng thưởng đạo mùi ngọt ngon.  
Ba năm lòng sáng như son,  
Trèo non xuống biển vuông tròn công phu.  
Chớ phiền mỗi mệt lòng tu,  
Trăng kia mây vệt, Đường Ngu gặp hiền.  
Mưa toan vụ thấy Thanh Thiên,  
Các đào rõ biết mối truyền chánh tông.  
**Giờ này Thầy điểm thâm công,  
Ngày sau con sẽ cõi rồng về nguyên.**  
Ngoài trong sạch tự bạch liên,  
Khá lòng gìn giữ mối giếng chớ xao.  
Chiêu chiêu nguyệt thấu thanh thao,  
Trên đầu cũng có Thiên Tào xét xem.  
Thấm mùi con biết lân nem,  
Để hồ con uống Thầy xem ân cần.  
Đạo luyện khắc kỷ phục thân,  
Chiêu con khá giữ, Thầy phân cạn lời.*

Đến ngày 29 tháng 7 năm 1924 Ngài được lệnh rời Phú Quốc để đổi về làm việc tại Phòng Thương Mại trong Dinh Thống Đốc Nam Kỳ. Trong thời gian ở Sài Gòn, ngày hai buổi Ngài làm việc tại dinh Thống Đốc, ngoài ra Ngài cũng thường lui tới chùa Ngọc Hoàng ở Dakao, ít giao thiệp với người khác, dành thì giờ để lo cho việc công phu.

Trên bước đường làm quan, Ngài Ngô Văn Chiêu có tiếng là vị quan thanh liêm, chánh trực, công bình. Đối với bạn đồng sự, Ngài rất khiêm tốn, ôn hòa. Đối với dân chúng, Ngài tận tụy, hết lòng giúp đỡ, nhưng không bao giờ nhận tiền bạc, vật phẩm đền ơn đáp nghĩa của người khác.

Vào cuối năm Ất Sửu (1925), Đức Cao Đài dạy Ngài Chiêu phải đem mỗi đạo truyền ra. Ngài độ được các ông quan Phủ Vương Quan Kỳ, ông Phán Nguyễn Văn Hoài, ông Phán Võ văn Sang, và Đốc Học Đoàn Văn Bản.

Trong lúc đó, có một nhóm phò cơ ở Sai Gòn đã được thành lập vào ngày 22 tháng 1 năm 1926. Nhóm này được lệnh dạy của Đức Chí Tôn, bảo quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Cao Quỳnh Diêu, Lê Văn Trung, Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức phải đến chung hiệp với quan phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Ngài còn dạy thêm: *Mỗi việc chi phải do nơi Chiêu là anh Cả.*

Đêm giao thừa năm Ất Sửu, Đức Chí Tôn dạy quý Ngài trong hai nhóm đến thăm từng nhà của nhau. Tới khuya, gần đúng giao thừa thì đến nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn, thì Đức Chí Tôn giảng dạy:

*Chư môn đệ nghe.*

***Chiêu, buổi trước hứa lời truyền đạo cứu chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ mỗi đạo, dùi dất môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó lập thành, chẳng nên tháo trút. Phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó.***

Sang năm Bính Dần (1926), nhằm đêm vía Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, tại nhà ông Phủ Vương Quang Kỳ, Đức Chí Tôn ban cho một bài thi nêu tên 13 vị đệ tử để



kỷ niệm buổi họp mặt:

*CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,  
BẢN đạo khai SANG QUÝ GIẢNG thành.  
HẬU ĐỨC TẮC CƯ thiên địa cảnh,  
Hườn Minh Mân đảo thủ đài danh.*

Mười ba vị đệ tử đầu tiên của Đức Chí Tôn là:

- |                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| ▪ Ngô Văn Chiêu,   | ▪ Lý Trọng Quý,     |
| ▪ Vương Quang Kỳ,  | ▪ Lê Văn Giảng,     |
| ▪ Lê Văn Trung,    | ▪ Nguyễn Trung Hậu, |
| ▪ Nguyễn Văn Hoài, | ▪ Trương Hữu Đức,   |
| ▪ Đoàn Văn Bản,    | ▪ Phạm Công Tắc,    |
| ▪ Võ Văn Sang,     | ▪ Cao Quỳnh Cư.     |
| ▪ Cao Hoài Sang,   |                     |

Do chữ Sang trong bài thi là tên của hai vị Võ Văn Sang và Cao Hoài Sang.

Sau đêm vía, Đạo càng ngày càng mở rộng, Đức Chí Tôn thấu phục thêm rất nhiều đệ tử và việc truyền đạo tiến hành rất tốt đẹp.

Riêng Ngài Chiêu vì theo tôn chỉ “*Ngô thân bất độ hà thân độ*”, nên Ngài ở nhà lo tự giác, tu luyện theo phép tu đơn và bắt đầu từ đêm 14 tháng 3 năm Bính Dần (Đl 24/4/1926), Ngài tách riêng ra, cùng với quý ông Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý.

Từ đây, tuy tôn chỉ khác nhau, một đảng lo phổ thông mỗi đạo, một đảng lại chuyên bề tự giác, nhưng tựu trung về phương diện tín ngưỡng vẫn thờ kính Đức Cao Đài Thượng Đế.

Sau khi tách rời khỏi nhóm Phổ Độ, Ngài Chiêu lập Cơ Tuyến Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, gọi tắt là Chiếu Minh Vô Vi. Do vậy Ngài đổi chữ lót trong tên

Ngài thành chữ Minh và từ đó người ta gọi tên Ngài là Ngô Minh Chiêu.

Tháng 4 năm Mậu Thìn (1928) Ngài xin nghỉ phép sáu tháng để tổ chức đi du lịch núi Tà Lơn và Đế Thiên Đế Thích. Sau đó Ngài trở lại làm việc tại dinh Thống Đốc Nam Kỳ như trước.

Cuối năm 1931, Ngài bị mệt nhiều nên xin phép Chánh phủ cho nghỉ ở nhà dưỡng bệnh.

Ngày 30 tháng 3 năm 1932, Ngài lại đi núi Tà Lơn với ý định bỏ xác nơi đây, nên không muốn trở về. Các đệ tử đi theo nài nỉ lắm, Ngài mới chịu về ở trong một cái Thảo lư cách châu thành Cần Thơ khoảng ba cây số.

Ngài Ngô Văn Chiêu thường nói rằng, Đức Chí Tôn định cho Ngài sẽ liễu đạo trên sông Cửu Long, nên mới ban cho câu:

*Giờ này Thầy điếm thâm công,  
Ngày sau con sẽ cõi rồng hồi nguyên.*

Thật vậy, đến sáng ngày 13 tháng 3 năm Nhâm Thân (Dl 18/4/1932), Ngài quyết định về Tân An.

Trên đường đi, lúc xe chở Ngài xuống bến phà Mỹ Thuận, phà chạy gần nửa sông thì Ngài Ngô Văn Chiêu xuất thần thoát xác một cách êm ái vào lúc 3 giờ chiều ngày 13 tháng 3 năm Nhâm Thân, hưởng dương 55 tuổi.

## II.- PHÁI CHIẾU MINH TAM THANH VÔ VI

Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi là một Chi Phái đầu tiên của Đạo Cao-Đài, thành lập sớm nhất, từ cuối năm Bính Dần (1926) khi Ngài Ngô Văn Chiêu không nhận chức Giáo Tông, cùng với quý ông Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý lo bề tợ giác, tu

luyện theo phép tu đơn và bắt đầu từ đêm 14 tháng 3 năm Bính Dần (Dl 24/4/1926), Ngài tách riêng ra lập Cơ Tuyền Độ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, gọi tắt là Chiếu Minh Vô Vi, Trụ sở Thánh Đức Tổ Đình tại phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Khi thành lập Chi phái này, Ngài đổi chữ lót trong tên của Ngài thành chữ Minh và từ đó người ta gọi tên Ngài là Ngô Minh Chiêu. Khi Ngài Ngô qui Tiên năm 1932 rồi thì ông Tư Huỳnh đứng ra lãnh đạo Chi Phái này.

Nguyên hồi mới khai nền Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dự định phong phẩm Giáo Tông cho Ngài Ngô Văn Chiêu, nên trong Đản cơ ngày 17 tháng 4 năm 1926, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy ba ông Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến nhà Ngô Văn Chiêu bảo ông phải may một bộ Thiên phục Giáo Tông và dạy Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu lãnh nhiệm vụ may bộ Đại phục đó cho hoàn thành.

Bài Thánh giáo ấy được chép lại như sau:

*“Trung, Cư, Tắc ba con lập tức lên Chiêu biểu nó phải sắm sửa liền một bộ Thiên phục màu trắng. Trên đầu chẳng phải bịt khăn mà đội mũ trắng có chữ Càn thêu bằng chữ vàng. Dặn nó mua thứ hàng thiệt tốt, mũ cũng vậy, áo cũng vậy.*

*Hiếu lại phải nhọc công nữa, Thầy giao phân may sắm cho con. Con liệu cho kịp, Rằm phải có nghe con”.*

Rồi Ngài lại bảo bà Hiếu: *Hiếu lấy chén nước lạnh, Thầy vẽ kiểu mũ cho con coi.*

Mme Cư bạch Thầy... *Mũ này là mũ Giáo Tông.*

*Trước ngực ngay trán phải để chữ cung Càn – chữ vàng, chữ Bát Quái – Còn cái áo con phải tái cầu Thầy*

trong lúc may đang Thấy chỉ sắp mấy cung kia trên áo. Nghe và tuân theo nghe con.

*Trung, đêm nay đừng cầu Thấy nghe con.*

Cũng trong ngày ấy, Đức Chí Tôn lại giảng cơ dạy:  
*Mừng sắp con,*

*Hiếu quì bạch Thấy chỉ dạy may mảo Đức Giáo Tông bề cao bao nhiêu và mang giày thứ nào? Thấy sẽ nhứt định mọi việc.*

*Thầy dạy: Mảo bề cao ba tấc, ba phân, ba ly thước Lang Sa; may giáp mớì lại thì thế nào cho có trước một ngành, sau một ngành hiệp lại có một đường xếp ấy là Âm Dương tương hiệp, Hiếu biết mà.*

*Sợi dây xếp hai lại còn bên trái có hai dải thòng xuống một mí dài một mí vẫn, mí dài ba tấc.*

*Giáo Tông – Thảo hài.*

Chỉ dạy bà Hiếu may xong, nhưng năm ngày sau, tức là ngày 22 tháng 4 năm 1926, Đức Chí Tôn giảng cơ bảo Bà Hương Hiếu: *Hiếu! Dâng mảo Giáo Tông cho Thấy xem. **Trúng, mà ai đội con phòng lật đật.***

Bài Thánh giáo trên của Đức Chí Tôn cho biết rằng ông Chiêu sẽ không nhận chức Giáo Tông. Quả thật Ngài Ngô Văn Chiêu không đến lãnh chức, vì Ngài theo một hướng tu khác, nên đến gần ngày Khai Đạo, Đức Chí Tôn mới giao chức Giáo Tông cho Đức Lý Đại Tiên Trưởng, Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm, theo tịch đạo là Thanh, Hương.

Điều này trong Thuyết Đạo, Đức Hộ Pháp cũng thắc mắc việc Ngài Ngô không thọ lãnh ngôi Giáo Tông, Ngài nói:

*“Về quyền hành của Đạo, không biết vì cơ gì Đức Chí Tôn đã định cho Ngô Văn Chiêu làm Giáo Tông của Đạo,*

*Đức Chí Tôn biểu may Thiên Phục Giáo Tông và may rỗi trong 10 ngày lại thôi, Ngô Văn Chiêu bị biếm vạ”.*

Việc Ngài Ngô Văn Chiêu không nhận lãnh chức Giáo Tông, hiện nay có hai quan niệm nói về việc đó:

- Quan niệm thứ nhất căn cứ theo bản Thánh Ngôn chép tay của Ngài Thái Thơ Thanh cho rằng Ngài Chiêu trước khi nhận lên ngôi Giáo Tông thì bị Quý vương thử thách, Ngài không thắng nổi cơ thử thách của Quý vương, nên đành chịu mất ngôi.
- Quan niệm thứ hai cho rằng Ngài Chiêu sở dĩ không nhận chức Giáo Tông là vì ông muốn theo phép tu đơn. Chính cụ Huệ Lương, trong quyển Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Sơ Giải có viết: *“Vì mỗi ngày phải tứ thời công phu tịnh luyện lại theo phép tu đơn không nên xen lộn vào chỗ đông người để khỏi nhiễm trược, cho nên Quan Phủ Ngô Văn Chiêu phải nhường phận sự độ dẫn đại chúng cho chư vị nói trên. Tuy vậy, ông vẫn khuyến khích anh em làm việc ấy bằng cách giúp cho một số anh em có đủ phương tiện vật chất để hành đạo”.*

Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, trong quyển Đại Đạo Căn Nguyên cũng có nêu ý kiến như sau: *“Ông Trung vẫn vâng theo Thánh ý lo thiết đàn giảng Đạo. Ông Chiêu lại ở nhà lo bề tự giác, ý ông không muốn truyền bá mỗi Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu “Ngô thân bất độ hà thân độ” làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra kể từ ngày 14 tháng 3 năm Bính Dần (Dl 24/4/1926). Đồng một ý kiến ấy thì có mấy ông: Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, Lý Trọng Quý.*

Từ đây, tuy đôi bên chủ nghĩa khác nhau, vì một đảng (Lê Văn Trung) thì lo phổ thông mỗi Đạo, một

đàng (Ngô Văn Chiêu) lại chuyên bề tự giác, nhưng về phương diện tín ngưỡng thì cũng đồng thờ kính Đức Cao Đài Thượng Đế.

Ngoài ra, khi phát biểu về Đạo Sử, Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, Trưởng Ban Đạo Sử có thuật lại rằng: *Khi đó quan Phủ Ngô Văn Chiêu lại muốn êm tịnh đặng có thì giờ tham thiền nhập định, không khứng đi phổ độ vì dân chúng ồn ào như thế. Ông thường nói: “Ngô thân bất độ hà thân độ” nghĩa là thân ta chưa độ được, hưởng gì đi độ ai! Nếu ai muốn tu Tiên thì phải từ từ đến nhà tu của ông, ông sẽ chỉ cho cách thờ phượng để tâm tu niệm.*

Hơn nữa, ông cho biết, nếu lập đàn cầu Tiên mà người tụ họp đông quá thì mất vẻ tôn nghiêm tất là khiếm lễ. Nếu khiếm lễ vì đông người thì các Đấng Thiêng-Liêng và Tiên Ông không giáng. Chí hướng của ông Ngô Văn Chiêu thì không muốn hội họp đông người khi lập đàn, vì sợ mất sự an ninh trong Đô Thành. *Quan Phủ Chiêu muốn giữ an ninh vì sợ đám chính trị gia trà trộn vào quấy phá và vì ông là một công chức của chánh phủ nên muốn như vậy là lẽ phải của ông đó, nên ông từ chối, không chịu hợp tác với quý vị Chúc-Sắc Đại Thiên Phong đầu tiên cùng nhau đi phổ độ chúng sanh theo lời Đức Chí-Tôn đã dạy. Vì vậy Ngài mới tách riêng ra để lập Chi phái Chiếu minh Tam Thanh Vô Vi để chuyên lo về Nội giáo Vô Vi, Tâm pháp bí truyền luyện đạo, nên phái này lựa chọn và thâm nhận rất ít tín đồ, hoạt động hạn hẹp ở ba nơi: Cần Thơ (Tổ đình), Phú Quốc và Sài Gòn. Hiện nay Phái Chiếu Minh lại phân ra: Chiếu Minh Long Châu và Chiếu Minh Đàn.*

**Thiên Vân**  
(21/6/2020)

## 7. VƯƠNG QUAN KỶ VÀ CHI PHÁI CẦU KHO

∞ *Thiên Vân*



Ông Vương Quan Kỳ



### I.- TIỂU SỬ VƯƠNG QUAN KỶ

Vương Quan Kỳ Tự là Mỹ Lương, sinh ngày 29 tháng 5 năm 1880 (*Khai Sanh ngày 4 tháng 7 năm 1880*), tại Chợ Lớn, con ông Vương Quan Đế (1842 – 1887) và bà Huỳnh Thị Bảy (1851 -1935). Ông nội là Thống Chế Vương Quan Hạc, còn ông ngoại là nhà Nho yêu nước Huỳnh Mẫn Đạt (1807 – 1883), đậu cử nhân, làm quan hai triều Minh Mạng, Tự Đức, rồi từ quan khi nhà Nguyễn ký Hòa Ước 1862 với Pháp.

Năm 1894, ông học tại trường collège de Mỹ Tho, hai năm sau, ông lên Sài Gòn học tại trường Chasseloup Laubat, đậu bằng Thành chung (*Diplôme*). Năm 1898,



ông thi đậu vào ngạch thơ ký Sở Hành Chánh Nam Kỳ và bắt đầu làm việc từ ngày 18 tháng 5 năm 1898.

Ngày 1 tháng 2 năm 1906, ông thành hôn với bà Huỳnh Ngọc Phan (1878 – 1949) là người tỉnh Sa Đéc, con của ông Huỳnh Long Huấn và bà Trần Thị Kim. Ông Kỳ và bà Phan có hai người con gái là Vương Thanh Chi (*Sophia*) (1908 – 1880) và Vương Xuân Hà (*Anna*) (1911 – 1983). Năm 1913, ông lấy người thiếp là Lê Thị Được có thêm được một người con trai là Vương Quan Sen (1915 – 1985).

Ông Kỳ xin nhập quốc tịch Pháp và lấy tên là Guillume vào ngày 16 tháng 3 năm 1912.

Ông Vương Quan Kỳ là em (*cùng cha khác mẹ*) của Vương Quan Trân (*còn gọi Vương Thế Trân*), là thân sinh cô Vương Thị Lễ (*kêu ông bằng chú*). Vương Thị Lễ tá danh là Đoàn Ngọc Quế, tức Thất Nương Diêu Trì Cung, một chơn linh cao trọng, hướng dẫn các ông Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang học đạo buổi đầu khai Đạo.

Năm 1924, ông Kỳ cùng làm việc chung phòng Thương Mại với Ngô Văn Chiêu ở dinh Thống Đốc Nam Kỳ, với ngạch Tri phủ, nhờ vậy ông Chiêu mới độ được bốn ông: Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Hoài, Võ Văn Sang, thờ Thiên-Nhân và tụng các bài kinh như ông, nhưng chưa truyền pháp môn tu luyện vì chưa có lệnh của Đức Thượng Đế.

Năm 1925, được Chơn linh của cô Vương Thị Lễ giới thiệu, ông Vương Quan Kỳ có đến gặp các vị trong Đàn cơ ở Sài gòn là Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang nên ông cũng gia nhập theo Đạo Cao Đài.

Ngày 15 tháng 3 năm Bính Dần (1926), ông thọ Thiên

ân là Tiên Sắc Lang Quân Thuyết Đạo Giáo Sư

Ngày 7 tháng 10 năm 1926, ông là một trong 28 người ký tên vào tờ Khai Tịch đạo Cao Đài với tư cách Tri phủ, Sở thuế thân, Sài Gòn.

Ông Phủ Vương Quan Kỳ là 1 trong 12 môn đệ đầu tiên của Đức Chí Tôn được điểm danh trong bài thi tứ tuyệt, ông đứng thứ nhì, sau tên của ông Ngô Văn Chiêu. Ông thọ phong phẩm Giáo Sư ngày 14 tháng 5 năm Bính Dần (1926), Thánh danh là Thượng Kỳ Thanh.

Vào đêm 9 tháng 1 năm Bính Dần (Đl 21/2/1926) nhằm ngày vía Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng thượng Đế, Quan Phủ Vương Quan Kỳ thiết đại lễ cúng Đức Chí Tôn tại tư gia, có mời chư nhu và chư Đạo-Hữu đến dự lễ và hầu đàn. Đấng Thượng-Đế giảng cơ dạy như vậy:

*Bữu tòa thơ thới trở thêm hoa,  
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.  
Chung hiệp ráng vun nền đạo đức,  
Bên lòng son sắt đến cùng Ta.*

*Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn cho các con thuận hòa nhau hoài, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy. Phải làm cho nhau đặng thể lực, đừng ganh gỗ nghe. Các con phải giữ phận làm tùy ý Thầy muốn. Ngày kia sẽ rõ ý muốn của Thầy.*

Nhà ông Phủ Vương Quan Kỳ ở số 80 đường Lagrandière, sau đổi lại là đường Gia Long, Quận Nhứt, Sài Gòn. Vì vậy ông thường xuyên hành đạo tại Thánh Thất Cầu Kho. Nơi đây nếu có thiết Đàn cầu cơ thì ông Vương Quan Kỳ chứng đàn, sau đó có thêm mấy ông

nữa là Ngô Tường Vân, Nguyễn Văn Muối, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Văn Kinh cùng với ông Kỳ luân phiên nhau lo cúng kiếng. Phò loan là ông Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức. Lo sắp đặt việc lễ thì có quý ông: Đoàn Văn Bản, Huỳnh Văn Giỏi, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Tường...

Ông Phủ Vương Quan Kỳ hành Đạo tại Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn, không đúng phép, không theo Tòa Thánh Tây Ninh nên bị Đức Lý Giáo Tông cho sứt chức: từ Giáo Sư xuống Giáo Hữu, rồi sau đó trong một *Đàn cơ vào ngày 18 tháng 11 năm Bính Dần (Dl 22/12/1926)* Đức Lý Giáo Tông giáng cơ trực xuất ông Kỳ như sau:

### THÁI BẠCH

*Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội, chư chúng sanh.*

*Thượng Trung Nhứt, Hiền hữu viết thơ cho mấy Thánh Thất lục tỉnh nói: “Thượng Kỳ Thanh bị trục xuất ra khỏi hàng môn đệ, chẳng còn quyền hành truyền Đạo nữa. Như nó chẳng tin, nghe lời, bị phạt: Tả Đạo Bàng Môn thì chịu, nghe à!”*

*Đã lập pháp mà nó muốn làm chi thì làm như buổi trước vậy hoài thì bị phạm Thiên điều, tránh sao cho khỏi tội. Hộ Pháp, Hiền hữu khá an lòng.*

Năm 1930, ông Vương Quan Kỳ cùng một số Chức sắc nơi Thánh Thất Cầu Kho, không tuân hành theo nghi thức cúng Đại Đàn, Tiểu Đàn và áp dụng cho các Thánh Thất địa phương của Tòa Thánh Tây Ninh, rồi sau đó tách ra lập thành Chi phái Cầu Kho, hành đạo riêng, không theo hệ thống hành chánh của Tòa Thánh Tây Ninh.

Ngày 24 tháng 7 năm Nhâm Thân (1932), ông gia

nhập vào Chi phái Chơn Minh Lý ở Mỹ Tho và thọ phẩm Thượng Phối Sư của Hội Thánh này. Ông là người có công truyền mối đạo Trời ra Trung Kỳ, là một chức sắc tiền bối sáng lập ra Cao Đài Cầu Kho Tam Quan.

Ông Vương Quan Kỳ hành Đạo cho đến ngày 18 tháng 10 năm Kỷ Mão (1939), thì qui Thiên, hưởng thọ 60 tuổi, được an táng tại Tân Sơn Nhì Sài Gòn.

## II.- CHI PHÁI CẦU KHO

Nguyên Thánh Thất Cầu Kho trước đây là ngôi nhà ngói ba gian, cột gỗ, vách ván của ông Đoàn Văn Bản, Đốc Học trường Tiểu học Cầu Kho, số 42 đường Général Leman (*cuộc đất số 102 Trần đình Xu hiện nay, góc đường Cao Bá Nha*). Ông Bản theo lệnh Đức Chí Tôn lập tại nhà mình một Đàn cơ để mọi người cầu Thầy giảng cơ dạy Đạo. Hễ mỗi lần có chư nhu đến nhập môn, Đức Chí Tôn dạy phải đến đại đàn tại Cầu Kho. Vì vậy mà nhà ông Đoàn Văn Bản trở thành Tiểu Thánh Thất.

Theo các bậc tiền bối, Thánh Thất Cầu Kho lúc ban đầu rất chật hẹp, đồ đạc thiếu trước hụt sau, vì chủ nhà lúc bấy giờ đương ở trong vòng bản chật, không đủ sức mua sắm để thờ cho xứng đáng. Bàn thờ thì chỉ là một cái ghế nhỏ bằng cây giá tị, Thiên Nhân thì vẽ trên một mảnh giấy cao chừng 3 tấc, ngang độ 2 tấc. Chiếu và đệm cũng không đủ trải ra lay. Tình cảnh tuy nghèo mà mấy chục bốn đạo mới không thẹn, cứ mỗi đêm thứ bảy là đến hầu đàn. Không bao lâu, có nhiều vị đạo tâm chung lo sửa sang lại ngôi Thánh Thất trang hoàng.

Tại đây, ông Đốc Phủ Vương Quan Kỳ chường quản việc cúng tế trong đàn và thuyết đạo. Các ông: Đoàn Văn Bản, Nguyễn Trung Hậu, Tuyết Tân Thành, Lê Thế Vĩnh lo

sửa soạn dọn dẹp Thánh Thất cho trang nghiêm. Ông Lê Văn Giảng, giáo Hiền, cùng một ít Đạo hữu lo sắm đồ đạc lặt vặt trong Thánh Thất.

Năm 1930, Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu được lệnh của Đức Chí Tôn, soạn ra quyển “NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN – TIỂU ĐÀN tại Tòa Thánh và các Thánh Thất”, để thống nhất về Nghi Lễ của Đạo, được Đức Chí Tôn duyệt chấp thuận, Đức Hộ Pháp mới làm văn thư gửi qua Cửu Trùng Đài để xem xét và ban hành. Nhưng xem tình hình trong Đạo thấy có một số người chống đối không muốn theo, nên Ngài Đâu Sư Thượng Trung Nhựt phải chờ đợi, đến ngày 17 tháng 6 năm Canh Ngọ (12/7/1930) mới ra Châu Tri ban hành, áp dụng thống nhất nơi Tòa Thánh và các Thánh Thất ở địa phương, trong ấy có ba bài Dâng Tam Bửu mới để thay thế ba bài Dâng Tam Bửu cũ, thỉnh từ Ngài Ngô Văn Chiêu.

Tờ Châu Tri (Ban hành quyển NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN – TIỂU ĐÀN tại Tòa Thánh và các Thánh Thất) được Ngài Thượng Đâu Sư ký ban hành như sau:

Tòa Thánh, ngày 17 tháng 6 năm năm Canh Ngũ  
(Dl 12/7/1930).

### CHÂU TRI

Gởi cho chư Hiền hữu Chủ Thánh Thất, Đâu Hộ và Chức sắc Cửu Trùng Đài.

Hiền hữu yêu dấu,

Đức Hộ Pháp có gởi cho tôi một bản lễ cúng Đấng Chí Tôn và Tam giáo của Hiệp Thiên Đài soạn lại y như sau đây.

Hôm 9 tháng 2 năm 1930 sau ngày vía của Đấng Chí

Tôn, tôi có đặt một Bàn Hội xem xét và hết thầy đều thuận ứng ban hành y theo cuốn Lễ Bồn ấy.

Từ đây chư Hiền hữu phải y theo đó mà hành lễ và dạy cách hành lễ cho chư Đạo hữu lưỡng phái.

Đạo là chánh lý mà chánh lý thì có một, nên cách hành lễ của Đạo phải y nhau như một mà thôi. Ai canh cãi bày biện: coi cho huê mỹ thì tội trọng.

Từ đây, nếu còn Đạo hữu nào không biết hành lễ thì lỗi về Giáo Hữu, Lễ Sanh, Chánh Phó Trị Sự và Thông Sự, Họ nào theo Họ ấy.

Nay kính.

THƯỢNG ĐẦU SƯ

Thượng Trung Nhựt.

Khi Châu Tri ban hành quyền nghi lễ này đến Thánh Thất Cầu Kho, Ông Phủ Vương Quan Kỳ vận động các Chức sắc Ban Cai Quản nơi đây không áp dụng Nghi lễ theo Châu Tri này, vì trong đó có 3 bài thài Dâng Tam Bửu mới, thay thế 3 bài Dâng Tam Bửu cũ mà trước đây Ngài Ngô Văn Chiêu đã chuyển qua. (Ông Kỳ là người do Ngài Chiêu phổ độ), Vì vậy Thánh Thất Cầu Kho không chịu tuân hành theo các Nghi Lễ trong cuốn sách của Tòa Thánh Tây Ninh.

Sau đó, ngày 27 tháng 9 năm Canh Ngọ (Dl 17/11/1930) Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt gởi văn thư cho Giáo Hữu Ngọc Minh Thanh và Ban Cải Quản Thánh Thất Cầu Kho có đoạn như sau:

“Tôi xin nhắc: Đạo thì một gốc, hành lễ phải y nhau một thể lệ. Vì việc Lễ Nhạc đọc kinh các nơi không rập nhau một thể lệ nên năm ngoái, tôi có lập một Ban Hội để ông Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh làm Hội trưởng

và mỗi Thánh Thất đều có người thay mặt, Bàn Hội ấy xem xét cuốn NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN TIỂU ĐÀN. Ngày đại lễ Đức Chí Tôn, Hội Thánh cũng cử một ban hội để xem xét cuốn Nghi Tiết ấy. Lại nữa trong ban hội này có Chức sắc thay mặt Cửu Trùng Đài, có Chức sắc thay mặt Hiệp Thiên Đài, hiệp nhau xem xét hết lễ rồi phân đồng mới định ban hành cuốn Nghi Tiết ngày nay đã in ra đó. “Tôi có được thơ của Hiền hữu Ngọc Minh Thanh ngày 14/11/1930 nói về cuốn sách Nghi Tiết Đại Đàn – Tiểu Đàn. Trong thơ Hiền hữu Ngọc Minh Thanh nói Họ Đạo cầu Kho không thể hành lễ theo nghi tiết trong cuốn sách trên của Tòa Thánh gửi xuống... Nếu chư Hiền hữu Đâu Họ Đạo và chư Hiền hữu Chủ Thánh Thất không thi hành các việc Tòa Thánh ban hành thì trước hết phải mang tội không vâng lệnh bề trên.

“Tôi cầu khẩn ai thông minh trí thức về Tòa Thánh giúp việc đăng đem tài trí ra giúp Đạo giúp đời. Ai còn thể sự ràng buộc thì đăng dâng ý kiến (émettre les voeux), mỗi đầu năm có Hội Thánh, mới đem ý kiến ấy ra bàn nghị.”

“Còn các việc Tòa Thánh ban ra thì phải ban hành lập tức một thể lệ. Đã lâu rồi, Đấng Chí Tôn kêu tôi mà nói: **“Trung, bởi- con sợ mích lòng bạn hơn sợ Thầy buồn, nên mới có xưng bá xưng hầu để độc quyền lừng thế.**

**Hành chánh phải y một thể lệ, chỗ nào có Thánh Thất chẳng vậy thì chẳng nhìn là nảy sanh ra nơi Đạo Tam Kỳ, thì con hiểu lấy”.**

Như vậy, khi ban hành quyển NGHI TIẾT ĐẠI ĐÀN – TIỂU ĐÀN để thống nhất nghi lễ từ Trung ương đến Địa phương, thì các Chức sắc trong Ban Cai Quản Thánh Thất Cầu Kho Sài Gòn không chịu tuân hành, nên họ tự ý tách ra khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, lập thành Chi

Phái Cầu Kho gồm quý ông: Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh (*Vương Quan Kỳ*), Giáo Sư Thượng Bản Thanh (*Đoàn Văn Bản*), Giáo Hữu Ngọc Minh Thanh, v.v...

Chi phái Cầu Kho là Chi phái thứ nhì, lập sau Chi phái Chiếu Minh Vô Vi Tam Thanh của Ngài Ngô Văn Chiêu lập ở Cần Thơ vào đầu năm 1927.

Năm 1936, Ngài Đoàn Văn Bản hưu trí, ông và bà về quê ở Tân Uyên (*Sông Bé*), giao Thánh thất lại cho Đạo.

Năm 1941, chính quyền thuộc địa lấy đất lại để xây cư xá công chức (*vi đây là đất công*), Thánh thất Cầu Kho bị dỡ. tất cả bàn thờ, ly chén, đồ dùng được chuyển về Thánh thất Tân Hương ở Long An (*mà trước đó đã bị lính Pháp tiêu hủy*), lúc ấy do ông Nguyễn Văn Trờ cai quản.

Đến năm 1948, ông Nguyễn Văn Phùng hiệp cùng ông Phan Thanh mời đạo hữu cũ họp tại nhà số 7 đường Cao Bá Nhạ (*nhà ông Phùng*), quyết tâm xây dựng lại Thánh thất Cầu Kho. Thánh thất mới được xây trên một miếng đất khác nằm trên đường Nguyễn Cư Trinh. Việc xây dựng đến cuối năm 1948 tạm xong. Ngày 30 tháng 10 năm 1948, Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ đặt tên là Nam Thành Thánh thất (*Địa chỉ: 124-126 Nguyễn cư Trinh, Quận 1, TP HCM*).

**Thiên Vân**  
(24/6/2020)



## 8. NGUYỄN VĂN CA VÀ CHI PHÁI MINH CHƠN LÝ

☞ Thiên Vân





## I.- TIỂU SỬ NGUYỄN VĂN CA

Ông Nguyễn Văn Ca sinh năm Ất Hợi (1875) tại xã Đái Nhụt, huyện Tân Trụ, tỉnh Tân An (nay là xã Nhứt Ninh, Tân Trụ, Long An).

Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Đối, thân mẫu là cụ bà Đặng Thị Lợi, ông là người con thứ năm trong số 15 anh em trong gia đình. Đến năm 1938 còn lại được 7 người con, trong số đó hai người anh của ông là Nguyễn Văn Ngàn, Nguyễn Văn Vịnh và hai người em tên Nguyễn Văn Liễu, Nguyễn Văn Phấn về sau đều trở nên Chức sắc Hội Thánh Minh Chơn Lý. Buổi thiếu thời, ông được người anh thứ hai là Nguyễn Văn Ngàn lo cho ăn học. Sau khi đỗ bằng Thành Chung, ông Ca thi đỗ Chủ Quận và được Chánh phủ Nam Kỳ lúc bấy giờ bổ đi làm Chủ Quận nhiều nơi: Thời gian lâu nhất là làm Chủ Quận tại Tịnh Biên (Châu Đốc). Sau ông được thăng lên chức

Đốc Phủ Sứ và được tặng huy chương Ngũ Đẳng Bội Tinh của Chánh phủ Pháp.

Ông lập gia đình với bà Vương Thị Giàu (1880 – 1937), ông bà có bốn người con: Hai con trai là Nguyễn Văn Khuyên (1907 – 1918), Nguyễn Văn Trà (1911 – 1914), mất sớm. Còn lại là hai người con gái tên Nguyễn Thị Anh và Nguyễn Thị Đại (*về sau đều tu theo cha*).

Ông Nguyễn Văn Ca nhập môn vào đạo Cao Đài vào năm 1926, đến ngày 12 tháng 5 năm 1927, Đức Chí Tôn ân phong cho ông Nguyễn Văn Ca phẩm Phối Sư phái Thái trong một Đoàn cơ được chép lại như sau:

*“... Thầy phong cho Ca chức Phối Sư Phái Thái. Cứ lo độ nhơn sanh, sau Thầy sẽ dạy thêm việc Đạo. Ca, con coi kiểu áo mào của Thơ mà mặc nghe”.*

Nguyên trong những năm đầu mới khai Đạo, các vị Chức sắc Thiên phong được Đức Chí Tôn phong phẩm, lúc ấy Hội Thánh chưa có qui định về cách hành Đạo, mà để tùy hoàn cảnh từng cá nhân, cho nên có nhiều vị Chức sắc khi được thọ phong rồi xin vào làm công quả cho Đạo ngay, lại có nhiều vị vẫn ở tại tư gia, hay nhiều khi vẫn còn đang làm việc tại các cơ quan của nhà nước, chỉ lui tới Tòa Thánh khi có hội họp hay có những việc Đạo cần thiết. Trong số những chức sắc đó có ông Phối Sư Thái Ca Thanh (*Nguyễn Văn Ca*), từ lâu nay vẫn ở quê nhà hành đạo, tại đây ông cùng với một số bốn đạo lập một cái Thánh Thất đã khánh thành và bầu Ban Cai Quản, gọi là Thánh Thất Định Tường tại làng Mỹ Hưng, xã Mỹ Phong, tỉnh Mỹ Tho để tín đồ nơi đây có chỗ cúng kính. Nơi đây ông kết hợp với bộ phận cơ bút Minh Thiên Đoàn (*Bạc Liêu*) của Trương Kế An, nên vẫn còn tổ chức Cầu cơ, mặc dầu Hội Thánh Tây Ninh

đã nhiều lần nhắc nhở. Do vậy trong lòng ông cảm thấy không phục với việc điều hành của Hội Thánh.

Ngày 17 tháng 12 năm 1930, ông Thái Ca Thanh lập tờ kiến nghị “*Biện phân tà chánh*” gửi lên Hội Thánh, đến ngày 1 tháng 12 năm Canh Ngọ (*Dl 19/1/1931*) Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài đã họp phiên đầu tiên, do Ngài Thượng Trung Nhựt làm Chánh Tòa xử một số vị chức sắc phạm luật, trong đó có ông Thái Ca Thanh... Án phạt nhẹ nhàng, chủ yếu để người phạm lỗi ăn năn cải hối. Nhưng điều này đối với ông là một sự xúc phạm.

Sau đó ông kết hợp với bộ phận cầu cơ Cao Thiên Đàn (*Rạch Giá*). Trong Đàn cúng Đức Chí Tôn ngày mồng một tết năm Tân Mùi (*1931*) tại Mỹ Tho, ông dâng lên Ông Trên một lá sớ để tâu trình việc của ông với Tòa Thánh Tây Ninh, mà ông cho rằng bị oan ức.

Trong Đàn cơ đêm 7 rạng 8 tháng 1 năm Tân Mùi (*1931*), do đồng tử Chơn Tâm (*Cao Thiên Đàn – Rạch Giá*), Đức Lý Thái Bạch giảng tại Thánh Thất Định Tường cho bài giảng phân “*Chánh Tà Yếu Lý*” theo thể thơ song thất lục bát. Ông Thái Ca Thanh liền cho xuất bản quyển “*Thánh Ngôn Chánh Tà Yếu Lý*”.

Trước đây Tòa Thánh Tây Ninh đã nhận được quyển “*Tu Chơn Thiệp Quyết*” do Thánh Thất Rạch Giá xuất bản, nay vừa mới đầu năm lại nhận thêm quyển “*Thánh Ngôn Chánh Tà Yếu Lý*” của Thánh Thất Định Tường xuất bản, nên ngày 18 tháng 4 năm 1931, Tòa Thánh bèn ban hành Châu Tri số 15 do Ngài Thượng Trung Nhựt ký, phần cuối Châu Tri có đoạn như sau:

“Ngày nay có nhiều chức sắc Thiên Phong tự tôn tự đại, chấp bút cầu cơ rồi in Thánh Ngôn, Kinh sách, không màng, không do Hội Thánh.

Như quyển Tu Chơn Thiệp Quyết, Thánh Giáo Chơn Truyền, Thánh Ngôn về Chánh Tà Yếu Lý (Thánh Thất Bạc Liêu, Rạch Giá Mỹ Tho) cũng lấy danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để ngoài bì, cho Đạo hữu lương phái và nhơn sanh tin tưởng lắm của Đại Đạo Tam Kỳ này ra...

Tòa Thánh không nhìn nhận mấy quyển “Tu chơn Thiệp Quyết”, “Thánh Giáo Chơn Truyền”, “Thánh Ngôn” của Thánh Thất Bạc Liêu, Rạch Giá, Mỹ Tho.

Ai không tuân sẽ bị tội”.

Kế tiếp Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài Tòa Thánh Tây Ninh họp kỳ nhì vào ngày 15 tháng 7 năm Tân Mùi (Dl 28/8/1931) do Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt là Chánh Tòa. Sau khi xét xử 37 vị chức sắc phạm lỗi, trong đó có ông Phối Sư Thái Ca thanh bị kêu án: Chiếu theo hình phạt thứ 5: Ngưng chức 1 năm, nếu biết ăn năn sám hối thì cho phục chức như cũ.

Sang đến năm 1932, ngày 16 tháng 8 Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài lại nhóm kỳ họp thứ tư để xét xử và kết án những chức sắc phạm lỗi trong đó có ông:

- Trần Đạo Quang, Chương Pháp : Ngưng quyền 1 năm (hình phạt thứ 5).
- Thái Ca Thanh, Phối Sư : Ngưng quyền 3 năm (hình phạt thứ 4)

Chánh Tòa

Quyền Giáo Tông

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Ông Thái Ca Thanh bèn tách rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, hợp tác với bộ phận Hiệp Thiên Đài ở Cao Thiên Đàn (Rạch Giá) lập cơ bút riêng. Cơ bút này phong ông làm Đầu Sư Thái Ca Nhựt, thọ Thiên vị Bửu An Thiên,

*Chương Quản Cửu Trùng Đài*, Thiên Sư Nguyễn Hữu Phùng, Chương Quản Hiệp Thiên Đài.

Cuối năm 1937, Thiên Sư Phùng cùng với một số vị chức sắc như ông Kiên, ông Phấn tách ra lập “*Chơn Lý Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản*” và ông Giáo Sư Phái Ngọc Lê Văn Được chấp bút, tiếp diễn vô vi. Chính cơ bút nầy mà phái Minh Chơn Lý không còn thờ Thánh Tượng “*Thiên Nhân*” nữa, thay vào đó *Thánh Tượng “Thiên Nhân trong Trái Tim” (Tâm hòa Nhân)*.

Ông Đầu Sư Thái Ca Nhựt điều hành nền đạo tại đây cho đến ngày 21 tháng 7 năm Bính Thân (Dl 26/8/1956) thì liễu đạo vào lúc 21 giờ 30, được an táng nơi đất nhà gần Tòa Thánh Định Tường, Mỹ Tho.

## II.- CHI PHÁI MINH CHƠN LÝ

*Minh Chơn Lý là một Chi phái thứ tư được thành lập do ông Phối Sư Thái Ca Thanh tách rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về quê nhà hợp tác với Ban Cai Quản Thánh Thất Định Tường tại làng Mỹ Hưng, xã Mỹ Phong, tỉnh Mỹ Tho và liên kết với nhóm Cao Thiên Đàn (Rạch Giá) của Pháp Sư Phan Văn Nhơn, Thiên Sư Nguyễn Hữu Phùng vào đầu năm 1931... hỗ trợ về cơ bút.*

Năm 1932, khi Thiên Sư Nguyễn Hữu Phùng chấp nhận tham gia làm Chương Quản Hiệp Thiên Đài thì *Hội Thánh Minh Chơn Lý* chính thức được hình thành chỉ còn chờ địa điểm để đặt Tòa Thánh. Trước tình thế nầy, Ban Cai quản Thánh Thất Định Tường hầu hết là người ủng hộ Thái Ca Thanh mới quyết định hiến Thánh Thất cho Hội Thánh Trung Ương lãnh làm Tòa Thánh.

Như vậy Thánh Thất Định Tường kể từ đây trở thành Tòa Thánh Trung Ương của Hội Thánh Minh Chơn Lý.

Cấu trúc xây dựng Tòa Thánh Trung Ương, (và Tòa Thánh Định Tường sau này), theo quyển “*Lịch Sử Đạo Cao Đài Quyển II*” cho biết như sau:

“*Từ cổng chánh vào, trước hết có cột phướn cao 12m (lá phướn 9m treo vào các ngày đại lễ, sóc vọng), tiếp đến là Bát Quái Đài xây tám cạnh vẽ tám quẻ Bát Quái Hậu Thiên, mái tròn, chính giữa trống, theo Hội Thánh Chơn Lý biểu thị “vận khí âm dương của vũ trụ”*

Tiếp theo Bát Quái Đài là Hiệp Thiên Đài với hai tháp Lô Âm Cổ và Bạch Ngọc Chung. Giữa hai tháp là chỗ Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài tiếp diễn vô vi. Nối tiếp Hiệp Thiên Đài là Cửu Trùng Đài, nơi hành lễ của 9 phẩm từ dưới lên, gồm: Lễ Sanh, Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư, Chánh Phối Sư, Ngũ Hành Thiên Sư, Tú Bửu, Đầu Sư và trên hết là Chưởng Quản Cửu Trùng Đài phân hai bên nam nữ, chính giữa là Huỳnh Đạo, con đường thông suốt từ Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài lên đến Châu Thiên Đài. Châu Thiên Đài biểu thị Bạch Ngọc Cung, trên cao thờ biểu tượng “*Tâm - Nhân*” (sau đổi là *Tâm - Thần*), dưới có bốn bài vị thờ các Đấng gồm: Phật Tổ Như Lai, Đạo Tổ Lão Quân, Văn Tuyền Khổng Thánh và Gia Tô Giáo Chủ. Dưới nữa có 15 ngọn đèn gọi là Thập Ngũ Linh Đăng.

Ngoài ra, tại Tòa Thánh còn một số đèn thờ khác như: Phổ Đàn Cảnh (thờ Đức Mẹ Diêu Trì), đèn Tứ Thánh, đèn thờ Cửu cung...

Đến tháng 2 năm 1947, ngôi Tòa Thánh Trung Ương này bị chiến tranh hủy hoại hết, mãi cho đến năm 1954, lúc bấy giờ Ông Phối Sư Ca được cơ bút riêng phong làm Đầu Sư Thái Ca Nhựt. Sau đó ông mới về xây dựng trên đất nhà, cách nền cũ khoảng 800m, một ngôi thờ

Đức Chí Tôn gọi là Tòa Thánh Định Tường (Địa chỉ hiện nay số 193 Nguyễn Trung Trực, ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

**Thiên Vân**  
(28/6/2020)



## 9. LÊ ĐẠO LONG VÀ VĨNH NGUYÊN TỰ

∞ Thiên Vân



Đức Như ý Đạo Toàn Chơn nhơn Lê văn Tiếng đạo hiệu Lê Đạo Long



Phật đường Vĩnh Nguyên Tự



Cổng Thánh Thất Vinh Nguyễn Tự



Thánh Thất Vinh Nguyễn Tự



Bửu tháp Ngọc Chương Pháp Trần văn Thụ

## I.- LÊ ĐẠO LONG

Lê Đạo Long là đạo hiệu của Ngài Lê Văn Tiêng, sinh ngày 23 tháng 10 năm Quý Mão (1843) tại làng Long An, tỉnh Chợ Lớn, con cụ ông Lê Phước Nghệ và cụ bà Nguyễn Thị Nguyễn. Lớn lên Ngài chán cảnh phù sinh nơi cõi thế, ham thích tu hành, nên tìm đến thọ giáo với Đức Di Minh Tử Ngô Đạo Chánh và được truyền thừa mối Đạo Minh Đường từ năm 1876, lúc ấy Ngài mới 34 tuổi. Từ đó về sau, Ngài lo trau luyện tâm tánh, chuyên tâm tu hành đạt đến bậc phẩm Thái Lão Sư.

Đến năm 1908 vì mong muốn có phương tiện để phổ độ cho nhơn sanh khắp vùng, nên Ngài lấy tài sản riêng của mình để xây cất lên ngôi Phật Đường, đặt tên là Vĩnh Nguyên Tự do Ngài Trụ Trì. Tại đây, Ngài có dạy nhiều môn đệ, tu đến phẩm Thái Lão Sư trong đó có các vị: Trần Đạo Minh, Nguyễn Chánh Sắc, Nguyễn Đạo Chí...

Hành đạo nơi đây một thời gian, đến ngày 3 tháng 12 năm Quý Sửu (1913), Ngài Lê Đạo Long cho người gọi tất cả con cháu tề tựu đầy đủ và các đệ tử cũng có mặt tại Vĩnh Nguyên Tự, đặc biệt nhất là có mặt chủ quận Cần Giuộc là Tri phủ Huỳnh Khắc Thuận. Sau khi dạy những lời di chúc và ký thác mọi việc, Ngài tắm gội tinh khiết, làm lễ Thiêng liêng. Đến 7 giờ Ngài trút hơi thở cuối cùng nơi Phật đường di hài của Ngài được an táng phần đất phía sau Vĩnh Nguyên Tự.

Sau ngày Thái Lão Sư Lê Đạo Long quy Thiên, người con là Lê Văn Lịch tu đến bậc Dẫn Ân (*nhị thừa*), nối tiếp Đạo nghiệp của cha, đứng ra trụ trì ngôi Vĩnh Nguyên Tự.

Lúc sanh tiền, Ngài Lê Đạo Long có tiên tri rằng: «*Vĩnh Nguyên Tự là nơi « Thập Nhị Khai Thiên*

*của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoằng khai chánh pháp chơn truyền sau này”.*

Ngày 20 tháng 1 năm Bính Dần (Dl 4/3/1926) Đức Chí Tôn muốn độ ông Lịch nên sai ba vị tiên khai Đại Đạo là Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến Vĩnh Nguyên Tự lập đàn cơ, có sự hiện diện của ông Phủ Nguyễn Ngọc Tương. Hôm ấy, Thái Lão Sư Lê Đạo Long được Đức Chí-Tôn cho phép nhập cơ báo cho quý vị đang tu tại Vĩnh Nguyên Tự biết rằng Ngài đã đắc quả Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn tại Tây Phương Cực Lạc và khuyên chư môn đồ nơi đây nên chuyển qua tu theo Đạo Cao-Đài của Đấng Thượng-Đế.

Đức Cao Đài giảng dạy như sau: *Hảo Thánh tâm! Hảo Thánh tâm!*

*Lịch, Ta thâu nạp người làm môn đệ. Ta cho Tiếng là cha của người nhập cơ.*

*Trung, Tương đứng.*

Sau khi Đức Chí Tôn thăng, kế tiếp, Đức Như Ý Đạo Toàn nhập cơ dạy như sau:

*“Lịch, thính ngã. Ngã thị nữ phụ, thọ mạng Cao-Đài Tiên-Ông viết Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế Giáo Đạo Nam Phương. Tiên nhứt ngã thọ giáo Minh Đường. Đại-Đạo thị chi nhứt dã. Nội Ngũ Chi Đại-Đạo, thọ phong Trung quốc vi Đại Lão. Dục thọ Thiên ân nhơn bất đắc kỳ truyền, ngã luyện thể thường tình chi giáo. Đạo thị vô vi tức hữu vô hình chi sự giáo hóa. Ngã bất ngộ dã, bất đắc kỳ truyền.*

*Ngọc Đế cảm xúc công quả thậm đa, bất lưu luân hồi tại thế, phú Thái Ất Chơn Quân độ dẫn, thọ sắc Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn tại Tây Phương Cực Lạc. Nhữ ngộ minh sư tu luyện, đương cầu giáo hóa dã.*

*Thị nhứt sư Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế. Khâm thủ, Khả cầu. Đại hỷ! Đại hỷ!”*

Bài Dịch ra Nôm: *(Lịch hãy nghe ta. Ta là cha của người, nhận mạng lệnh của Đấng Cao-Đài Tiên-Ông gọi là Ngọc-Hoàng Thượng Đế dạy đạo ở nước Việt Nam. Ngày trước, ta thọ giáo nơi Minh Đường. Đại-Đạo và Minh Đường là một vậy. Trong Ngũ Chi Đại-Đạo, ta được thọ phong từ Trung Quốc làm chức Đại Lão Sư. Muốn thọ ơn Trời, vì không được chơn truyền, ta luyện đạo theo giáo pháp thường tình của thế gian.*

*Đạo là vô vi, tức là có các Đấng vô hình chỉ dạy các việc. Ta không gặp vậy, nên không được chơn truyền. Đấng Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế cảm xúc công quả của ta rất nhiều, không để ta luân hồi trở lại thế gian, giao cho Thái Ất Chơn Quân độ dẫn ta, nên được sắc phong Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn tại cõi Tây Phương Cực Lạc. Người gặp minh sư dạy tu luyện, hãy thỉnh cầu Ngài giáo hóa vậy. Chỉ có một Thầy là Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế. Hãy kính dâng theo. Khá cầu dạy Đạo. Rất mừng! Rất mừng!).*

## II.- TIỂU SỬ LÊ VĂN LỊCH

Lê Văn Lịch, đạo hiệu là Thạch Ấn Tử, sinh ngày mùng 1 tháng 9 năm Canh Dần (Dl 14-10-1890) tại làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn. Thân sinh của ông là Cụ Lê Văn Tiếng (đạo hiệu Lê Đạo Long), tu đến bậc Thái Lão Sư của Chi Đạo Minh Sư, là người đã lập ngôi Vĩnh Nguyên Tự ở Cần Giuộc, và thân mẫu là Cụ Bà Trần Thị Đắc. Hiền nội ông Lê Văn Lịch là Bà Trần Thị Khá, con gái của Ngài Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ (cũng là vị đại đệ tử của Ngài Lê Đạo Long). Lê Văn Lịch có một người con gái là Cô Lê Ngọc Trang, Đạo

hiệu là Bạch Tuyết.

Đầu năm Bính Dần 1926, quý Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc được lệnh Đức Chí Tôn dạy phải xuống Vĩnh Nguyên Tự lập đàn cầu cơ, để Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn giảng cơ dạy ông Lịch, lúc bấy giờ đã tu tới bậc Dẫn Ân (*Minh Đường*), phải hiệp với quý Ngài Cư, Tắc để khai mở Đạo Cao Đài.

Sau đó ngày 26 tháng 2 năm Bính Dần (*Dl 8/4/1926*), tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Thích Ca Mâu Ni giảng cơ bằng Hán văn dạy rằng:

*Chuyển Phật Đạo, Chuyển Phật Pháp, Chuyển Phật Tăng, Qui nguyên Đại Đạo, Tri hồ chư chúng sanh?*

*Khánh hỷ! Khánh hỷ! Hội đắc Tam Kỳ Phổ Độ, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, đại hỷ phát đại tiếu!*

*Ngã vô lự Tam đồ chi khổ. Khả tòng giáo Ngọc Đế viết Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Bài dịch ra Nôm:

*Chuyển Phật Đạo, Chuyển Phật Pháp, Chuyển Phật Tăng, chuyển Phật giáo trở về gốc của nền là Đại Đạo. Chúng sanh biết chăng?*

*Vui mừng thay! Vui mừng thay! Gặp được Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật rất vui mừng, Phát cười lớn!*

*Ta không lo cái khổ của ba đường luân hồi. Khả theo lời dạy của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Cao Đài Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Sau đó, tiếp theo là Đức Chí Tôn dạy: "*Lịch! Con nghe Phật Như Lai nói chưa? Tam Kỳ Phổ Độ là gì? Là Phổ Độ lần thứ ba.*

*Sao gọi là Phổ Độ? Phổ Độ nghĩa là gì? Phổ là bày ra.*

*Độ là gì? Là cứu chúng sanh.*

*Muốn trọn hai chữ Phổ Độ, phải làm thế nào? Chúng sanh là gì?*

*Chúng sanh là toàn cả nhơn loại chớ không phải lựa chọn một phần người, như ý phạm tục các con tính rồi.*

*Muốn trọn hai chữ Phổ Độ, phải làm thế nào? Thầy hỏi? Phải bày Bửu pháp chớ không đặng giấu nữa. Con phải luyện lại cho thành, nội trong tháng 5 nầy về theo Trung đặng đi truyền đạo.*

*Nghe và tuân theo”.*

Qua đêm 12 tháng 3 năm Bính Dần (Dl 23/4/1926), ông Lê Văn Lịch được Đức Chí Tôn giáng cơ ân phong làm Ngọc Đầu Sư, Thánh danh Ngọc Lịch Nguyệt, cùng một lượt với Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, trong cuộc Lễ Thiên phong đầu tiên tổ chức tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn.

Ông Lê Văn Lịch lúc mới thọ phong chỉ là một tu sĩ nhỏ tuổi, nên có nhiều người không vừa lòng ông ngồi ở địa vị ấy. Trong quyển Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông, do Hội Thánh ấn hành năm Quý Sửu (1973), có một đoạn Thánh giáo của Đức Chí Tôn nói về Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt như sau: *Nếu Thầy không chuyển pháp lại thì chưa ai tu đặng trọn đạo, nên Thầy lựa Ngọc Đầu Sư trong hạng thiếu niên mới có đủ công phổ độ.*

*Trong phần nhiều các con chưa vừa lòng cho Lịch ngồi địa vị ấy, cho nên có điều cản trở trong sự truyền đạo. Thầy cũng nhìn như vậy, song vì tiền kiếp Lịch và nhơn đức Tiếng, nên Thầy mới phú thác cái trách nhiệm tối đại ấy cho nó.*

Thời gian đầu khi mới khai Đạo, ông Ngọc Lịch



Nguyệt được lệnh Đức Chí Tôn dạy tìm chọn ba bài kinh Tam giáo để làm kinh tụng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. ông cùng với Đầu Sư Thượng Trung Nhật phụng soạn quyển “*Tứ Thời Nhật Tụng*”, trong đó các bài kinh được in bằng chữ Nho, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ và được ban hành vào năm Mậu Thìn, 1928.

*Vào năm 1934, hai ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang tách khỏi Toà Thánh Tây Ninh thì Ngọc Lịch Nguyệt cũng rời Toà Thánh, để trở về Vĩnh Nguyên Tự tu hành.*

Năm 1943, ông bị nhà cầm quyền Pháp bắt đày đi Côn Đảo, đến năm 1945, ông mới được trả tự do trở về.

Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt bị sát hại trong cuộc chiến chống Pháp xâm lược của phong trào Việt Minh, ông liểu Đạo tại Chợ Lớn ngày 2 tháng 9 năm Đinh Hợi (DL 15/10/1947) thọ 58 tuổi.

Mộ của ông Lê Văn Lịch hiện đặt tại phần đất phía sau chùa Vĩnh Nguyên Tự, gần mộ của thân phụ ông là Cụ Lê Văn Tiếng.

### III.- VĨNH NGUYÊN TỰ

Vĩnh Nguyên Tự trước đây là một ngôi chùa Phật thuộc phái Minh Đường do Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long tự dùng phương tiện riêng của mình tạo dựng vào năm Mậu Thân (1908) tại xã Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An).

Tại đây, lúc sinh tiền Ngài Lê Đạo Long có thâu nhận và dạy một số môn đồ, người đệ tử lớn nhất của Ngài là Trần Văn Thụy, pháp danh Trần Đạo Minh (cũng là nhạc phụ của ông Lê Văn Lịch), tu đến phẩm bậc Thái Lão Sư.

Đến năm Bính Dần (1926), tức là sau khi Thái Lão

Sư Lê Đạo Long liễu đạo, Ngài có giảng cơ khuyên các đệ tử hãy tùng giáo theo Đức Cao Đài Ngọc Đế. Trần Văn Thụ vâng theo lời dạy của Đức Như Ý Đạo Toàn, nhập môn vào đạo Cao Đài. Từ đó, *ngôi Vĩnh Nguyên Tự trở thành cơ quan của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thuở đầu tiên và sau này trở thành Thánh Thất của Đạo Cao Đài gọi là Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự.*

Chính tại Thánh Thất này vào đêm mừng 10 tháng 9 năm Bính Dần (Dl 16/10/1926) ông Trần Văn Thụ (pháp danh Trần Đạo Minh) được Đức Chí Tôn giảng cơ ân phong là: *Nho Tông Chuông Giáo Tuyên Đạo Thiên Sư Đại Đức Đại Hòa Đạo Sĩ: Chuông Pháp phái Ngọc.*

Kể từ khi Trần Văn Thụ thọ phong Ngọc Chuông Pháp, ông vâng lệnh Đức Chí Tôn, cùng với các vị Chức sắc Thiên phong khác lo đi hành đạo, phổ độ nhơn sanh. Khi làm lễ Khai Đạo tại Thánh Thất tạm ở Chùa Từ Lâm Tự (chùa Gò Kén, Tây Ninh), ngày 15-10-Bính Dần (1926) thì Ngọc Chuông Pháp thường xuyên hành đạo tại đó, để cùng quý Chức sắc cao cấp khác soạn thảo Tân Luật theo lệnh dạy của Đức Chí Tôn.

Qua năm sau, tức là năm Đinh Mão (1927), Trần Văn Thụ lâm bệnh nặng, ông trở về nhà an dưỡng tại làng Trường Bình, quận Cần Giuộc, sau đó ông đăng Tiên vào ngày 14-5-Đinh Mão (dl 13-6-1927), hưởng thọ 71 tuổi.

Đám tang của Ngọc Chuông Pháp có mặt đầy đủ các bậc tiền khai của Đạo như Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt, Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh, Phối Sư Thái Ca Thanh, cùng nhiều Chức sắc khác đến thọ tang và phúng điếu.

Bởi cơ Đạo còn sơ khai, đang tạm ở Từ Lâm Tự,

nên gia đình Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ phải đưa linh cữu của ông an táng nơi quê nhà ở làng Thới Hiệp, cạnh ngôi chùa cũ của ông, nay là Ấp 1 Xã Hiệp Phước, quận Nhà Bè.

Năm 1996 (*Bính Tý*), Ban Cai Quản Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự đã lấy cốt của Ngọc Chưởng Pháp Trần Văn Thụ đem cải táng về đất phía sau Vĩnh Nguyên Tự, nằm cạnh ngôi mộ của Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long.

Hiện nay di ảnh của Ngọc Chưởng Pháp được thờ nơi Hậu Điện Vĩnh Nguyên Tự, cùng với di ảnh của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn và của Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

Mặc dầu ngôi Vĩnh Nguyên Tự đã quy hiệp về Cao Đài và trở thành Thánh Thất từ năm 1926, nhưng hình dáng vẫn là ngôi chùa Phật y như cũ, tuy nhiên trải qua gần sáu mươi năm dãi dầu mưa nắng, ngôi chùa xưa xuống cấp, hư hỏng quá nhiều. Cuối năm Canh Tuất (*tháng 4-1970*), Đức Chí Tôn ban ơn cho họ đạo Vĩnh Nguyên Tự hiệp sức chung lòng cùng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xúc tiến công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự. Mọi việc lớn nhỏ từ lúc khởi công cho đến khi hoàn tất, làm lễ khánh thành, thầy thầy đều thuận theo lẽ Thiên nhân hiệp nhất. Ngôi Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự được tái thiết và khánh thành vào ngày 13 tháng 3 năm Quý Sửu (*Dl 06/4/1973*) cho đến ngày hôm nay.

**Thiên Vân**  
(03/7/2020)

## 10. GIÁO HỮU THÁI ABADIE THANH & CUỘC DIỄN THUYẾT VỀ ĐẠO CAO ĐÀI TẠI HÀ NỘI.

∞ Thiên Vân

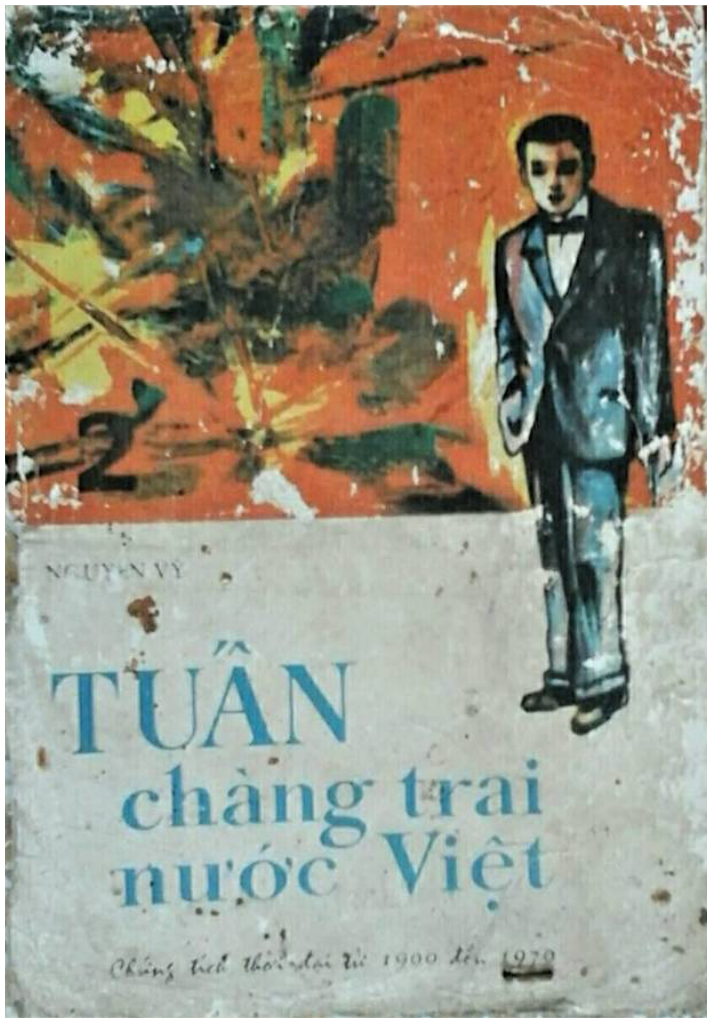


Từ trái sang phải: Giáo Hữu Thái Abadie Thanh, Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật, Giáo Sư Thượng Latapie Thanh, Giáo Sư Thượng Chữ Thanh.

### I.- GIÁO HỮU THÁI ABADIE THANH

Ông Abadie gọi đầy đủ là Gabriel Abadie de Lestrac, là một công dân Pháp làm Lục sự tại tòa án Paris. Giữa năm 1931, Giáo Hữu Thượng Vinh Thanh (*Trần Quang Vinh*) được nhà cầm quyền Pháp tại Nam Vang cử sang Pháp công tác, nhân dịp này, Tòa Thánh giao thêm cho ông Vinh nhiệm vụ truyền Đạo. Chuyến công tác ấy của ông tại Paris kéo dài 9 tháng, từ 7 tháng 3 đến 5 tháng 12 năm 1931, đạt được thành công lớn. Ông đã tiếp xúc với các quan chức tại Thủ Đô Pháp Quốc như các ông: Albert Sarraut (*Tổng Trưởng*), Edouard Daladier (*Tổng Trưởng*), Cựu Thủ Tướng), Henri Guermut (*Nghị Sĩ, Tổng*

*Thơ Ký Hội Nhân Quyền*), Ernest Outrey (*Nghị Sĩ Quốc Hội*) cùng nhiều trí thức có uy tín khác. Sau khi trình bày về Đạo Cao Đài và tình trạng bị áp bức hiện nay, Giáo Hữu Thượng Vinh Thanh đã đạt được ít nhiều sự ủng hộ của các viên chức ấy.



Trang bìa quyển "TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT" của nhà văn Nguyễn Vỹ.

Đặc biệt trong chuyến đi Pháp này, ông độ dẫn được năm người Pháp nhập môn vào đạo Cao Đài, thọ phong chức sắc vào năm sau, 1932, đó là ông Gabriel Abadie de Lestrac, Lục sự tòa án Paris (*sau thọ phong Giáo Hữu*), cùng với bốn người khác là:

- Gabriel Gobron, Giáo Sư Trung Học (được ân phong phẩm Tiếp Dẫn Đạo Nhơn)
- Bà Marguerite Gobron (Lễ Sanh)
- Bà Félicien Challage (Giáo Sư).
- Charles Bellan, Cựu Tham Biện Đông Dương (Giáo Hữu).

Ông Gabeiel Abadie de Lestrac thọ phong Giáo Hữu phái Thái (*Thánh danh là Thái Abadie Thanh*), vài năm sau ông được chuyển công vụ làm Chánh Lục Sự Tòa Án Hà Nội, lúc này ông mới tham gia tích cực việc hành Đạo tại Thánh Thất Hà Nội.

## II.-CUỘC DIỄN THUYẾT VỀ CAO ĐÀI CỦA GIÁO HỮU THÁI ABADIE THANH TẠI HÀ NỘI.

Để truyền bá rộng rãi về đạo Cao Đài, vào ngày 16 tháng 5 năm 1937, tại rạp hát Majestic Hà Nội, ông Giáo Hữu Thái Abadie Thanh tổ chức một cuộc diễn thuyết về Đạo Cao Đài trước giới trí thức và nhà cầm quyền Pháp tại Hà Nội.

Cuộc diễn thuyết này trước đây *nhà văn Nguyễn Vỹ*, một người không có chân trong Đạo Cao Đài, có tham dự và đã ghi chép lại trong một tác phẩm thuộc loại “*chứng tích thời đại từ 1900 đến 1979*”, có tựa đề là “*TUẤN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT*”. Sau đây chúng tôi xin chép lại nguyên văn một đoạn nói về cuộc diễn

thuyết đó như sau:

“Tuấn có quen với ông Abadie, làm Lục Sự (greffier) tại Tòa Án Hà Nội, một người Pháp theo Đạo Cao Đài. Sự quen biết này có một nguyên do không ngờ. Năm 1936, Tuấn có làm chủ nhiệm kiêm chủ bút một tờ Tuần báo Pháp ngữ chuyên về chính trị, xã hội và văn hóa. Trong hai số liên tiếp, Tuấn có viết một bài xã thuyết dài tám cột trang nhứt, công kích chế độ thuộc địa của Pháp ở Đông Dương, và kêu gọi dẹp bỏ Triều đình Huế. Theo thể lệ báo chí Pháp hồi đó được “tự do ngôn luận”, tờ báo không bị kiểm duyệt, không bị đóng cửa, mọi công dân đều được quyền tự do phát biểu ý kiến của mình. Nhưng Tuấn bị Triều đình Huế và phủ Thống sứ Bắc Kỳ truy tố ra Tòa án Pháp tại Hà Nội về tội “xúc phạm đến an ninh quốc gia và chủ quyền người Pháp ở Đông Dương”, chiếu theo đạo luật báo chí Pháp tháng Juillet 1889.

Tuấn không có tiền thuê luật sư, ông Abadie phụ trách về hồ sơ của Tuấn, và có cảm tình riêng với Tuấn, một chàng trai hăng hái vì tuổi trẻ nhưng không có hành động nguy hiểm nên có giới thiệu Tuấn đến Luật sư Lambert, một người bạn của ông ở trước cổng Hội Chợ đường Gambetta, nhưng xem qua bài báo bị truy tố, Luật sư bảo Tuấn: Tôi rất tiếc không thể bênh vực cho anh trước Tòa án. Mặc dầu có sự gởi gắm tử tế của ông Abadie, bởi vì... tốt hơn là tôi sửa soạn va li để lên đường về Marseille!

Ý của Luật sư Lambert bảo rằng ông không thể bênh vực một tờ báo có tính cách chống Pháp và có khuynh hướng đòi đuổi Pháp ra khỏi đất Đông Dương. Bênh vực Tuấn thì tốt hơn là ông xách va li về Pháp cho rồi.

Tuấn đem câu chuyện của Luật sư Lambert nói lại cho ông Abadie rõ. Ông này có ý muốn cứu Tuấn khỏi tù

tội, khê bảo Tuấn: Tôi khuyên anh tốt hơn là nên đi vắng Hà Nội trong thời gian có phiên tòa xử anh, Tòa sẽ xử khiếm diện. Nhưng anh sẽ trở về kịp ngày chống án sang Pháp. Tôi sẽ tìm cách tạo ra một vice de forme, để tòa án hủy bỏ bản án của tòa Hà Nội và bắt xử lại. Từ đây đến đó anh sẽ có thì giờ vận động, vì thủ tục Tòa Phá Án còn kéo dài lâu lắm.

Nghe theo lời ông Abadie, Tuấn chuẩn bị đi Sài Gòn một tuần lễ trước ngày có phiên tòa. Nhân tiện ông Abadie viết thư giới thiệu Tuấn với ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Quyền Giáo Tông Đạo Cao Đài ở Tòa Thánh Tây Ninh. Tuấn không hiểu do trường hợp nào một người Pháp chính cống như ông Lục sự Abadie lại theo Đạo Cao Đài? Tuấn không hỏi ông, vì lễ độ. Nhưng cứ thắc mắc về vấn đề đó.

Đạo Cao Đài có gì lạ? Có gì hấp dẫn đến đổi một người trí thức Pháp đã bỏ đạo Thiên Chúa để theo Đạo Cao Đài?

... (đoạn văn Tuấn lên Tây Ninh vào Tòa Thánh yết kiến Đức Hộ Pháp và tìm hiểu về Đạo Cao Đài rồi trở về Hà Nội chúng không chép lại ở đây)...

Tuấn về Hà Nội, vội vàng tìm đến ông Lục sự Abadie tại văn phòng của ông ở Tòa án, để biết Tòa xử tội viết báo của Tuấn như thế nào.

Trông thấy Tuấn, ông Abadie vui cười. khê bảo: Tòa xử vắng mặt anh: 6 tháng tù và 3000 quan tiền phạt. Bây giờ anh ký giấy chống án qua tòa Phá Án Paris. Tuấn không hiểu gì cả, hỏi ông Lục sự: Tại sao vậy? Tôi có quyền chống sang Paris sao? Đây là một phương pháp để kéo dài vụ này chứ sớm muộn gì rồi anh cũng sẽ bị án. Nhưng tòa Phá Án Paris sẽ bác bản án của tòa Hà Nội vì khuyết điểm



hình thức. Còn lâu lắm tòa Phá Án Paris mới gửi trả hồ sơ về đây. Từ nay tới đó, anh còn rộng thì giờ bay nhảy...

Nói xong ông Abadie đưa cả sổ sách và giấy tờ gì đó, bảo Tuấn ký tên. Tin cậy hoàn toàn nơi ông Abadie, (chỉ vì cảm tình riêng của ông đối với Tuấn), không cần tìm hiểu thêm, Tuấn cầm bút ký đại, và cảm ơn ông Lục sự.

Tuấn trao cho ông bức thư của ông Hộ Pháp Phạm Công Tắc nhờ Tuấn chuyển lại. Ông tin đồ Cao Đài Pháp vui sướng xem thư của ông “Pape” (Đức Giáo Hoàng) danh từ nầy của người Pháp thời bấy giờ tặng cho vị lãnh tụ Cao Đài giáo (Le Pape Caodaiste).

Rồi ông cho Tuấn biết tuần tới ông sẽ diễn thuyết về Đạo Cao Đài tại rạp chớp bóng Majestic, đại lộ Đồng Khánh. Ông trao cho Tuấn một thiệp mời, 5 giờ chiều thứ Bảy.

Tuấn có đi dự buổi diễn thuyết, Majestic là một rạp chớp bóng mới mở. lớn nhất và sang nhất ở Hà Nội lúc bấy giờ. Phòng thật rộng có thể chứa được một nghìn khán giả. Một số dự thính khá đông Tây và Đám ngồi chật hết các dãy ghế đầu. Chỉ có vài người “Annam” nào đó, thuộc về hạng quan lại, ngồi với họ. còn tất cả “Annamit” trí thức lẫn học sinh, sinh viên, đều ngồi các dãy ghế sau.

Lúc bấy giờ chưa có máy vi âm (microphone), ông Abadie phải nói lớn, ông cố nói thật to nhưng vẫn khó nghe cho những người “Annam” ngồi xa.

Bắt đầu ông Cao Đài Abadie thuyết trình về lịch sử và giáo lý Đạo Cao Đài hết nửa tiếng đồng hồ. Xong ông giới thiệu với thính giả một người Pháp, bạn đồng Đạo của ông, tên là De Lagarde, chủ sự nha Bưu Điện Vientiane, Lào, hôm ấy có mặt ở Hà Nội. Ông Abadie kể chuyện về ông De Lagarde, như sau đây: “Ông De Lagarde trước

kia không theo đạo nào hết. Ông là một người “tin tưởng tự do” (*un libre penseur*) Ông làm chủ sự sở Bưu Điện ở Thủ đô xứ Lào đã mấy năm, và có vợ người Nam kỳ quê ở Cần Thơ. Một hôm chủ nhật, ông đi săn bắn trong rừng sâu bị một bầy voi rừng đuổi, ông liệu bề không bắn được và không dám chống cự, bèn ù té chạy. Vì kinh hoàng và sồn sóc sao đó, ông bị vấp đá, ngã vào một bụi gai cào chảy máu cả mặt mày. Do tai nạn bất thần đó, ông De Lagarde bị thương nặng nơi hai con mắt.

Về Vientiane, mấy vị bác sĩ chữa không khỏi. Ông bị đui luôn. Người vợ Nam kỳ của ông, đưa ông đi các nhà thương lớn ở Hà Nội và Sài Gòn, được các bác sĩ danh tiếng nhất săn sóc, nhưng bệnh không lành. Ông tốn hết không biết bao nhiêu là tiền bạc, nhưng đành chịu tật mù. Ông lại phải nghỉ việc, chức vị của ông bị người khác thay thế.

Bỗng dưng một hôm nghe lời mấy người bạn đàn bà khuyên bảo, bà vợ Nam kỳ của ông De Lagarde đưa ông đi Tây Ninh đến Tòa Thánh Cao Đài. Người ta đồn rằng nơi đây, nếu bệnh nhân thành tâm cầu cơ, sẽ có Tiên giáng bút về cho thuốc chữa bệnh gì cũng lành.

Trong lúc tuyệt vọng về y khoa Tây phương, ông Tây De Lagarde đành nghe lời người vợ Annam và thành tâm nguyện rằng nếu có vị Tiên hay vị Thánh nào giáng cơ bút chữa khỏi bệnh của ông, ông sẽ theo Đạo Cao Đài liền và sẽ hy sinh suốt đời ông cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Buổi cầu cơ được tổ chức tại Tòa Thánh Tây Ninh một đêm rằm, vợ chồng ông De Lagarde đều thành tâm cầu nguyện và chính ông cũng theo đúng các nghi lễ cúng dường các Phật Thánh Tiên của Cao Đài giáo. Ông phải ăn chay, giữ gìn thân thể và tâm hồn trong sạch suốt ba ngày đêm trước buổi cầu cơ. Thế rồi trong không khí trang

nghiêm tịch mịch của đêm khuya trước điện Huyền Linh, ông De Lagarde ngồi vào đàn cơ, chờ vị Tiên giáng bút. Quả nhiên một vị Tiên ông nào đó, không nói tên tuổi, nhưng giáng bút cho ông bài thơ bằng tiếng Việt trong đó chỉ bảo ông lấy một ít tro nhang hòa vào ly nước lạnh đang cúng trên Điện thờ mà xoa vào đôi mắt mù. Xoa như thế thường xuyên ba ngày đêm, sẽ thấy ánh sáng. Ông Tây De Lagarde làm đúng như lời Tiên dặn. Ngày thứ nhất, ngày thứ hai, ngày thứ ba. Sáng ngày thứ ba bà vợ Nam kỳ xoa cho ông giọt nước màu nhiệm cuối cùng còn ở đáy ly... Bỗng tự nhiên cặp mắt của ông Tây dần dần hé mở... lim dim như người mới ngủ dậy... rồi mở hẳn. Ông De Lagarde mừng quýnh, đang nằm trên giường liền ngồi vung dậy reo cười lớn lên: Tôi đã tìm được nhãn quan của tôi rồi! Tôi đã thấy lại được rồi!

Và thật thế, ông De Lagarde đã hết đui. Và ông đã trở thành một tín đồ Cao Đài nhiệt thành nhất trong đám một triệu tín đồ của tôn giáo mới.

Ông Abadie nói xong đến đây rồi nói tiếp: Thưa quý bà, quý ông, tôi xin mời ông De Lagarde lên đây để xác nhận câu chuyện tôi vừa kể.

Ông mỉm cười đưa bàn tay ngoắc một người trong đám cử tọa Pháp. Người này vui vẻ và hãnh diện, từ ghế ngồi tiến lên diễn đàn. Cả phòng đều im lặng, đăm đăm nhìn ông De Lagarde, không cao lắm, mảnh khảnh, đôi mắt sáng, nhã nhặn chào khán giả với một nụ cười:

Thưa quý bà, quý ông, tôi là De Lagarde, chủ sự nha Bưu Điện Vientiane, tôi xin xác nhận câu chuyện của bạn tôi, ông Abadie, vừa nói là hoàn toàn đúng sự thật...

Cả phòng vỗ tay hoan hô ông, Ông nói tiếp: Vả lại trong cử tọa sang trọng này, có nhiều bạn thân của tôi,

nhất là trong ngành Bưu điện Đông Dương, đã biết tai nạn xảy ra cho tôi trước đây 3 năm, và đã làm cho tôi phải nghỉ việc vì đôi mắt bị mù hoàn toàn. Bây giờ tôi được trở lại làm việc trong ngành Bưu điện vì cặp mắt tôi hết mù nhờ ơn của vị Tiên Cao Đài đã cứu chữa bằng một ít tro nhang hòa với nước Thánh.

Tiếng vỗ tay lại nổi dậy vang cả phòng Majestic và cuộc diễn thuyết chấm dứt. Tây Đầm bu lại hỏi han ông De Lagarde, nhất là các mục Đầm có vẻ tin tưởng hơn ai hết thầy.

Sau đó, Tuấn thường gặp ông De Lagarde tại Thánh Thất Cao Đài Hà Nội, một căn nhà ngói ở đường phố khu Chợ Hôm (gần Route de Huế). Ông Abadie cũng thường đến đây hành lễ. Chỉ hai ông đó là tín đồ Pháp của Đạo Cao Đài mới bành trướng ở thủ đô Bắc Kỳ không lâu.

Về trường hợp De Lagarde, Tuấn cho rằng nó là một hiện tượng đặc biệt, hy hữu. Cũng như chính Tuấn đã chứng kiến những cuộc cầu cơ nghiêm trang trong đó một vị Tiên Ông tự xưng danh là Hư Không, hay Huyền Mặc Đạo Nhân giáng cơ bút làm những bài thơ Đường luật rất hay và ý nghĩa thâm trầm thanh thoát. Những chuyện Tiên, Thánh, Phật, thỉnh thoảng xuất hiện trong cơ bút, báo trước một biến cố thời sự quan trọng, hoặc cho thuốc chữa bệnh, đều không phải là hoàn toàn bịa đặt. Nhưng trí óc phàm tục của chúng ta không thể nào giảng giải được.

**Thiên Vân**  
**(16/7/2020)**

## 11. TRẦN QUANG VINH VÀ CUỘC TRUYỀN ĐẠO Ở PHÁP QUỐC

∞ Thiên Vân



Phối sư Thượng Vinh Thanh (*Trần Quang Vinh*)



Trung tướng Trần Quang Vinh (*Quân đội Cao Đài*)

## I.- TIỂU SỬ TRẦN QUANG VINH

Trần Quang Vinh, Đạo hiệu Hiễn Trung, sinh ngày 8 tháng 9 năm 1897 tại Long Xuyên. Sau khi tốt nghiệp trường Collège Chasseloup-Laubat, Sài Gòn, ông ra làm Thông phán ngạch Chính phủ Pháp bảo hộ tại Nam Vang (*Campuchia*). Ông nhập môn vào đạo Cao Đài qua đàn cơ tại Nam Vang (*Cao Miên*) do Hộ pháp Phạm Công Tắc và Tiếp đạo Cao Đức Trọng phò loan vào tháng 6 năm 1927.

Chỉ một tháng sau, ngày 27 tháng 7 năm 1927, ông được ân phong phẩm Lễ sanh, và sau đó Đức Chưởng Đạo Nguyệt Tâm chấm ông vào phái Thượng (*Thánh danh Thượng Vinh Thanh*) và ban cho Đạo hiệu là Hiễn Trung. Ngày 2 tháng 4 năm 1930 ông được thăng phẩm Giáo hữu, giữ trách nhiệm Quản lý Nội viện, một trong Cửu viện (*tức 9 cơ quan hành đạo Trung ương của đạo Cao Đài*).

Năm 1931, ông được phái sang công cán tại Pháp quốc nhân dịp Đấu xảo quốc tế tại Vincennes (*Paris*). Thừa dịp này, ông truyền bá đạo Cao Đài và phổ độ được tất cả 15 người Pháp, trong đó có năm người được phong vào hàng chức sắc Cao Đài năm 1932. Ngoài ra ông còn vận động các thân hào nhân sĩ người Pháp để chính quốc Pháp công nhận Đạo Cao Đài. Nhờ thành tích này, sau khi từ Pháp trở về, ông được Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh thăng phẩm Giáo sư ngày 21 năm 3 tháng 1932, trách nhiệm Phó chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo. Năm 1937, ông được thăng lãnh trách nhiệm Chủ trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kim Biên, một cơ quan nhằm mục đích truyền bá Đạo Cao Đài cho người Campuchia và người ngoại quốc khác.

Ông Trần Quang Vinh còn là người sáng lập và là Đệ nhất Tổng Tư lệnh quân đội Cao Đài năm 1943, ông tham gia cùng với quân đội Nhật thực hiện cuộc đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945.

Ngày 15 tháng 2 năm 1948, ông được thăng phẩm Phối sư, đặc trách việc giao thiệp đối ngoại. Ông lần lượt được Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc ban một trong nhiều chức vụ cao cấp như:

- ▶ Ngày 12 tháng 2 năm 1952, Phối sư Cố vấn Hành Chánh Đạo kiêm Thượng Thống Hộ Viện
- ▶ Ngày 12 tháng 3 năm 1952, Cố vấn cho Chỉ huy Cơ Thánh Vệ.
- ▶ Ngày 25 tháng 4 năm 1952, Trưởng ban Kinh tế.
- ▶ Ngày 28 tháng 6 năm 1952, Nghị trưởng Hội đồng Tối cao.
- ▶ Ngày 25 tháng 1 năm 1953, Tổng giám đốc Ban Kinh tế Trung ương Tòa Thánh Tây Ninh.

Đến năm 1975, Phối Sư Thượng Vinh Thanh bị bắt vào ngày 05 tháng 12 và mất ngày 25/01/1977 (*ngày mùng 7 tháng Chạp năm Bính thìn*) tại bệnh viện Công an nhân dân trong thời gian ở tù sau ngày 30/4 lịch sử (*theo giấy báo tử của Chính quyền CM thông báo*).

## II.- CUỘC TRUYỀN BÁ ĐẠO TẠI PHÁP QUỐC

Nhơn dịp có cuộc Đấu xảo Quốc tế Thuộc địa tại Vincennes – Paris vào năm 1931, Chánh phủ Bảo hộ Miên quốc phái ông Trần Quang Vinh, lúc ấy là một công chức (*Thông Phán hạng nhì*) đi dự cuộc lễ.

Tháng chạp năm 1930, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc có đến viếng



Thánh Thất Kim Biên và tìm gặp Giáo Hữu Thượng Vinh Thanh. Hai vị Đại Thiên phong biết ông Trần Quang Vinh sắp đi công cán bên Pháp nên dạy phải nương cơ hội này mà truyền giáo và tìm phương xã giao với các chánh khách Pháp triều, sở cậy họ binh vực quyền tự do tín ngưỡng của Đạo Cao Đài ở Đông Dương, đương bị chánh quyền thuộc địa và bảo hộ áp chế.

Ít hôm sau, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp mời Giáo Hữu Thượng Vinh Thanh đến Thánh Thất một lần nữa mà lần này hai vị Đại Thiên Phong dạy đủ mọi việc khi đến Pháp phải lo, về mặt truyền giáo cũng như việc kêu cầu với chánh phủ Pháp ra lệnh chấm dứt sự áp chế Đạo Cao Đài ở Đông Dương.

Ông Trần Quang Vinh sang Pháp trên chuyến tàu Chenonceau, tách bến Sài Gòn ngày 10 tháng 2 năm 1931, tới Marseille ngày 5 tháng 3 năm 1931, tới Paris, ngày 7 Tháng 3 năm 1931.

Theo tập Hồi Ký của Phối Sư Trần Quang Vinh, Thời gian ở Paris từ 7 tháng 3 năm 1931 tới 5 tháng 12 năm 1931, trọn 9 tháng. Ngoài phận sự lo cho cuộc Đấu xảo Vincenne – Paris, ông Vinh có thừa ngày giờ lo Đạo, hằng tiếp xúc với nhiều nhân vật, nào là Nghị sĩ, Luật sư, Giáo sư, Sĩ quan, Ký giả, đại khái là Hội Nhân Quyền (*Ligue des Droits de l' Homme*) mà Tổng Thư Ký là ông Emille KAHN, kế tiếp là ông Henri GUERNUT, ông này là Nghị sĩ danh tiếng ở Quốc Hội Pháp. Mọi việc hoạt động trọn 9 tháng ở Pháp không thể kể xiết, những tài liệu sanh hoạt lần lượt gửi về Tòa Thánh cho Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt.

Công việc truyền giáo và vận động cho Đạo Cao Đài được tự do tín ngưỡng ở Đông Dương, ông Vinh thuyết

phục và gây dựng được một số nhơn vật và chánh khách Pháp có thiện chí đối với Đạo Cao Đài, trong số ấy có 5 vị kể tên sau đây được thọ phong Chúc sắc vào năm 1932:

1. **TIẾP DẪN ĐẠO NHƠN:** Gabriel Gobron, Giáo sư Trung học.
2. **NỮ GIÁO SƯ:** Bà Félicien Challaye, bạn của ông Giáo sư Đại học Sorbonne.
3. **GIÁO HỮU:** Charles Bellan, cựu Tham biện ở Đông Dương.
4. **GIÁO HỮU:** Gabriel Abadie de Lestrac, Lục sự Tòa án Paris
5. **NỮ LỄ SANH:** Bà Marguerite Gobron, sau thăng Giáo Hữu (bạn ông Tiếp Dẫn Đạo Nhơn Gabriel Gobron)  
Ngoài ra còn có các vị ân nhân can thiệp cho sự tự do tín ngưỡng tại Đông Dương, đáng kể nhứt là:

1. Ông Albert Sarraut, Tổng Trưởng
2. Ông Alexis Métois, Trung Tá Quân đội Pháp.
3. Ông Edouard Daladier, Tổng Trưởng và Cựu Thủ Tướng.
4. Ông Henri Guemut, Nghị sĩ Quốc Hội, Cựu Tổng Trưởng. Tổng Thư Ký Hội Nhân Quyền.
5. Ông Emile Kahn, Tổng Thư Ký Hội Nhdn Quyền.
6. Ông Ernest Outrey, Nghị sĩ Quốc Hội Pháp tại Nam Kỳ
7. Ông Eugène Tozza, Luật sư Tòa Thượng Thẩm Paris
8. Ông Félicien Challaye, Giáo Sư Đại học Sorbonne.
9. Ông Marius Moutet, Nghị sĩ Quốc Hội Pháp và Tổng Trưởng
10. Cô Marthe Williams, Nghị viên Hội Nhơn Quyền.
11. Ông Paul Ramadier, Nghị sĩ Quốc Hội Pháp.

12. Ông Marc Rucard, Nghị sĩ Quốc Hội Pháp.
13. Ông Jean Piot, Nghị sĩ Quốc Hội Pháp.
14. Ông Jean-Michel Renaitour, Nghị sĩ Quốc Hội Pháp.
15. Ông Voirin, Nhân sĩ.
16. Ông André Philip, Nhân sĩ.
17. Ông Jean Laffray, Chủ nhiệm kiêm Chủ bút báo La Griffe.

Ngoài ra tại Đông Dương còn bao nhiêu nhân vật binh vực Đạo Cao Đài như hai vị Trạng sư :

- Lortat Jacob, Trạng sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, đặt văn phòng tại Nam Vang.
- Roger Lascaux, Trạng sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn, đặt văn phòng tại Nam Vang.
- Và 3 quan Khâm Sứ tại Miên Quốc là : ông Richomme, ông Sylvestre và ông Thibaudeau, mặc dầu là quan bảo hộ của Pháp triều, nhưng 3 ông này để yên cho Đạo Cao Đài mà lắm lúc còn binh vực là khác.

Theo quyển Hồi ký của ông Trần Quang Vinh, là người trong cuộc, xin nhấn mạnh rằng: 2 ông Lascaux và Lortat-Jacoi, mặc dầu nghề nghiệp là Trạng sư, song với một tâm hồn cao thượng, hai ông hằng nói rằng lấy lương tâm và tình thương hơn loại mà bào chữa cho sự bất công, nên không bao giờ nhận một thù lao nào của Đạo. Tác giả xin lấy hết danh dự và lương tâm mà chứng nhận sự này.

Còn về phần báo chí thì có các báo sau đây liên tiếp bào chữa và tường thuật tất cả mọi sự áp chế Đạo Cao Đài.

- La Libre Opinion – Paris.
- Cahier de la Ligue des Droits de l'Homme – Paris.

- La Griffe – Paris.
- Le Progrès Civique – Paris.
- Le Fratémiste – Lille (Nord)
- Le Réveil Ouvrier – Nancy.
- Le Semeur – Falaise (Calvados)
- L’Aurore Malgache – Tanamarive.
- Germinal – Croix (Nord)
- La Tribune Indochinoise – Saigon.

Với sự ủng hộ và binh vực nhiệt thành của bao nhiêu nhơn vật, chánh khách và báo chí, Đạo Cao Đài hưởng được chế độ khoan hồng của chánh phủ Pháp do cuộc đồng thanh quyết nghị của Quốc Hội Pháp vào khoảng tháng 2 năm 1932 và tiếp theo là sự tự do tín ngưỡng ban bố cho Đạo Cao Đài trên toàn cõi Đông Dương. Đó là kết quả của thời gian tranh đấu, kiên nhẫn và chịu khổ của toàn Đạo, ít ra cũng nhiều năm liên tục.

Cuối mùa Đông năm Tân Mùi (1931), ông Trần Quang Vinh đã mãn hạn công tác tại Pháp quốc và trở về Việt Nam. Bận về cũng trùng với chiếc tàu Chenonceau nữa. Tàu tách bến Marseille ngày 5-12-1931, cập bến Nhà Rồng Sài Gòn ngày thứ tư 30-12-1931, lúc 7 giờ sáng.

Tại bến tàu, đã có sẵn gia đình và bà con thân quyến ở Long Xuyên là quê nhà lên rước đông đảo. Ngoài ra còn có phái đoàn trong Đạo gồm quý Ngài Quyển Giáo Tông Thượng Trung Nhật, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Ông Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Ông Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu, Giáo Sư Thượng Tuy Thanh (*Từ Huệ*), Giáo Hữu Thái Gấm Thanh (*Từ Hóa*), Sĩ Tải Đỗ Quang Hiển, (*Bí thư của Đức Hộ Pháp*).

**Thiên Vân**

**(25/7/2020)**

## 12. PHỐI SƯ THÁI KHÝ THANH & BỨC CẤM NANG CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

☞ Thiên Vân

### I.- TIỂU SỬ PHỐI SƯ THÁI KHÝ THANH

Phối Sư Thái Khý Thanh (1894 – 1967), thế danh là Lâm Tài Khý sinh năm Giáp Ngọ (1894) tại tỉnh Xoài Riêng (Svay Rieng), Cao Miên. Ông phối ngẫu cùng bà Dương Thị Chu, hai ông bà có hai người con, người con gái lớn tên là Lâm Thị Cụt, người con trai thứ là Lâm Phước Long. Xuất thân từ một gia đình người Đường Nhơn có đạo đức, nên ông và người chị ruột là bà Lâm Thị Thổ (1888 – 1961), sớm giác ngộ theo Đạo Cao Đài, Người chị thọ phong Giáo Hữu, Thánh danh Hương Thổ, còn ông thọ phẩm Giáo Sư phái Thái vào năm 1941 trong tình hình cơ Đạo bị chinh nghiêng, không người đứng ra lèo lái, Đức Hộ Pháp mới ủy nhiệm cho ông (*một người Đường Nhơn là đồng minh với Pháp*) bằng một bức cấm nang đứng làm chủ Tòa Thánh và các dinh thự của Đạo để đối phó trong giai đoạn nguy nan đó.

Năm 1945 ông được thăng lên Quyền Thái Chánh Phối Sư, hành Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh. Đến năm 1956 khi Đức Hộ Pháp lưu vong sang Thủ Đô Nam Vang, vài năm sau ông cũng vượt biên sang Cao Miên hành đạo tại Thánh Thất Kim Biên. Cho đến ngày 20 tháng 10 năm Đinh Mùi, (Dl 6/12/1967), sau một cơn bệnh nhẹ, ông Quy vị tại Nam Vang, hưởng thọ 73 tuổi. Thể hài được an táng tại Kim Biên, về sau con cháu cải táng hài cốt của ông về táng tại Cự Lạc Thái Bình, Tòa Thánh Tây Ninh.

### II.- BỨC CẤM NANG VÀ SỰ TRẦN ÁP CỦA QUÂN ĐỘI PHÁP

Theo Đạo Sử, năm 1940 nhà cầm quyền Pháp muốn



Phối Sư Thái Khí Thanh

tiêu diệt Đạo Cao Đài, nên từ tháng 5 năm 1941, họ gây ra nhiều hình thức khủng bố Chức sắc và tín đồ Cao Đài. Họ ra lệnh đóng cửa toàn bộ các Thánh Thất và các cơ Sở Phước Thiện. Đến ngày mùng 4 tháng 6 năm Tân Tỵ (Dl 28/6/1941), lính mật thám Pháp vào Tòa Thánh bắt Đức Hộ Pháp, sau đó họ bắt thêm ba vị Chức sắc nữa là: Phối Sư Ngọc Trọng Thanh, Giáo Sư Thái Gấm Thanh, Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến.

Đồng thời tại Sài Gòn, chúng đến bắt Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa tại tư gia, và ở Nam Vang, chúng đến Thánh Thất Kim Biên bắt Giáo Sư Thái Phấn Thanh.

Ngày 4 tháng 6 Nhuận năm Tân Tỵ (Dl 27/1941), nhà cầm quyền Pháp đưa Đức Phạm Hộ Pháp và 5 vị Chức sắc xuống chiếc tàu COMPIÈGE đầy sang hải đảo Madagascar ở Phi Châu.

Trước khi bị bắt đầy đi Mã đảo, Đức Hộ Pháp biết rõ Thiên cơ là Ngài sẽ phải lãnh cái khổ nạn này, nên Đức Ngài cho gọi ông Giáo Thiện Đình Công Trứ đến và giao cho ông lo gìn giữ luật pháp chơn truyền của Đạo, khi Ngài vắng mặt.

Ngoài ra Đức Ngài còn giao riêng cho Giáo Sư Thái Khý Thanh, một vị Chức sắc người Đường Nhơn một bức cẩm nang và dặn rằng lúc nào Tòa Thánh gặp cảnh nguy nan thì mở ra xem và làm theo lời dạy thì Tòa Thánh sẽ được bình yên.

Cuối năm 1945, nước Nhựt bị hai quả bom nguyên tử phải đầu hàng quân Đồng Minh, Pháp mới trở lại đánh chiếm Việt Nam. Để tiêu diệt và trả thù các đoàn thể trước đây theo Nhựt đánh Pháp, trong đó có quân đội Cao Đài.

Theo lời thuật lại của Giáo Sư Thái Khý Thanh hôm

xảy ra sự việc có vị quan ba người Pháp đem binh đội đến trấn áp vào cửa Hoà Viện, dùng súng bắn xả vào Tòa Thánh.

Ông liền cầu nguyện với Đức Hộ Pháp, rồi mở bức cấm nang ra xem, trong ấy Ngài dặn: khi Tòa Thánh có chuyện hỗn loạn, khói lửa, thì ông Giáo Sư treo cờ “*Trung Hoa Dân Quốc*” trước ban-công Đền Thánh.

Hôm việc xảy ra có mặt Bà Tu (*Hương Hiếu*) và Bà Tám (*Hương Nhiều*), hai bà ngăn cản không cho Giáo Sư Khý treo cờ Tàu. Còn đang dây dưa, quân đội Pháp bắn xả vô Nội Ô dữ dội, bốn đạo bị thương đổ máu, có hai Bảo thể bị tử thương. Hai bà thấy vậy sợ hãi, bỏ chạy về Báo Ân Từ. Lúc bấy giờ ông Giáo Sư Thái Khý Thanh mới leo lên ban-công Tòa Thánh, treo lá cờ Trung Hoa Dân Quốc. Vị Quan ba Pháp thấy lá cờ Tàu, liền ra lệnh ngưng bắn, kéo binh đi vào cửa Hòa viện.

Lúc đó, ông Giáo Sư Thái Khý Thanh đang mặc Thiên phục Giáo Sư, và ông lấy nang thơ của Đức Hộ đưa cho vị quan ba người Pháp xem, ông ta xem xong thì trả thơ rồi ra lệnh kéo binh ra khỏi Tòa Thánh.

Bắt đầu ngày hôm sau, nhà binh Pháp ruồng bố dân chúng ở bên ngoài Tòa Thánh khổ sở vô cùng, còn Nội ô vẫn yên tĩnh vô sự.

**Thiên Vân**





# ĐẠO SỰ SỬ LIỆU & TIỂU SỬ

Biên Soạn: THIÊN VÂN